

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Lê Thị Ngọc Thùy**
Giảng viên hướng dẫn: **Th.s. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN Ô TÔ CHIẾN THẮNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Lê Thị Ngọc Thùy**
Giảng viên hướng dẫn : **Th.s. Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG – 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Ngọc Thùy

Mã số: 100833

Lớp: QT1004K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công TNHH ô tô Chiến Thắng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2009

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn ô tô Chiến Thắng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....thángnăm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng.....năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Lê Thị Ngọc Thùy

Th.s Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2010

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2010
Cán bộ hướng dẫn
(họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1. Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản	2
1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	7
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	7
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng	7
1.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng	7
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	9
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng	9
1.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng	10
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán	11
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	12
1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng	12
1.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng	12
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	14
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	15
1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng	15
1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng	15
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	17
1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	17
1.2.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng	17
1.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng	18
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	19
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	19

1.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng	19
1.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng	19
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	21
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	22
1.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng	22
1.2.7.2. Tài khoản kế toán sử dụng	22
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán	25
Chương 2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	26
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	26
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	26
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty	27
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	27
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	29
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	29
2.4.1.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán	31
2.4.1.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	31
2.4.1.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	32
2.4.1.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	32
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	32
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	32
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng	33
2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng	33
2.2.1.3. Phương pháp hạch toán	33
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	40
2.2.2.1. Chứng từ kế toán sử dụng	40
2.2.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng	40
2.2.2.3. Phương pháp hạch toán	41
2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính	46
2.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	46
2.2.3.2. Chi phí hoạt động tài chính	49

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng	52
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng	52
2.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng	52
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán	52
2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác	56
2.2.6.1. Kế toán thu nhập khác	56
2.2.6.2. Kế toán chi phí khác	61
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	63
Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	70
3.1. Những đánh giá chung về công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	70
3.1.1. Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty	70
3.1.2. Ưu điểm	71
3.1.3. Nhược điểm	72
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	74
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	74
3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán	74
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	75
3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ tổng hợp tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	75
3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	77
3.2.3.3. Hoàn thi hệ thống bảng tổng hợp tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	81
3.2.3.4. Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm	86
3.2.3.5. Một số ý kiến khác nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng	87
3.2.4. Ý nghĩa việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chí phí và xác định kết quả kinh doanh	89
Kết luận	91
Tài liệu tham khảo	92

LỜI MỞ ĐẦU

Trong xu thế phát triển kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khi Việt Nam chính thức là thành viên thứ 150 của WTO vào ngày 7/11/2008, đây là cơ hội để kinh tế nước ta hội nhập cùng phát triển song cũng là thử thách to lớn với nền kinh tế thị trường còn non trẻ ở nước ta. Chính vì vậy, các doanh nghiệp cần nỗ lực không ngừng chiếm lĩnh, khẳng định chỗ đứng của mình trên thị trường. Để làm được điều đó thì doanh nghiệp phải làm tốt các khâu từ sản xuất tới lưu thông tiêu thụ sản phẩm, trong đó phải kể đến công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Đó là căn cứ quan trọng giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định, chính sách, biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Xuất phát từ tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với mỗi doanh nghiệp nên trong thời gian thực tập tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng nhờ sự chỉ bảo tận tình của giảng viên – Th.s Nguyễn Thị Mai Linh và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã mạnh dạn tìm hiểu đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng**”. Ngoài phần mở đầu và kết luận bài viết của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, giữa các loại hình kinh doanh. Để chống chọi với sức ép thị trường và xu thế cạnh tranh trên toàn cầu đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, quản lý chặt chẽ, nghiêm túc, tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận. Chính vì vậy yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng được đề cao.

Yêu cầu cơ bản của nghiên cứu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là từ đó mỗi doanh nghiệp có thể xây dựng kế hoạch quản lý sản xuất, các biện pháp nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí bảo đảm cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, mở rộng sản xuất kinh doanh. Muốn vậy doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt là công tác hạch toán kế toán.

Tài liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để phân tích, đánh giá tình hình sử dụng tài sản, vật tư, lao động tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất sản phẩm trong doanh nghiệp, để có quyết định quản lý phù hợp. Đây là công cụ cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các loại doanh thu:

+*Doanh thu bán hàng*: phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hóa

được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) chỉ tiêu sau:

-Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

-Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh nghiệp sẽ thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

-Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

*Với phương thức bán hàng qua kho, vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- Bên mua đã nhận đủ hàng

- Bên mua đã thanh toán tiền hoặc nhận nợ

*Với phương thức bán hàng qua kho, vận chuyển theo hình thức vận chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- Bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm người mua.

- Bên bán đã thu tiền hàng hoặc đã được bên mua nhận nợ.

*Với phương thức bán lẻ hàng hóa thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

*Với phương thức ký gửi đại lý thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+*Doanh thu cung cấp dịch vụ*: phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đó hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các khoản giảm trừ doanh thu

+*Chiết khấu thương mại*: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

+*Hàng bán bị trả lại*: là khối lượng hàng hóa đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

+*Giảm giá hàng bán*: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém chất lượng, sai quy cách, lỗi thời, lạc hậu.

+*Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là thuế tiêu dùng đánh vào một số mặt hàng đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước quy định.

Việc coi hàng hóa dịch vụ là đặc biệt hay thông thường là tùy thuộc vào từng nước xuất phát từ khía cạnh kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

+*Thuế xuất khẩu*: là thuế gián thu đánh trên giá trị và chủng loại hàng hóa trao đổi giữa hai quốc gia.

+*Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến khâu tiêu dùng.

***Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

$$\begin{matrix} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{CCDV} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và CCDV} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Các khoản giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{matrix}$$

***Doanh thu tiêu thụ nội bộ:**

Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

***Doanh thu hoạt động tài chính:**

Phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và

doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Tiền lãi vay: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác....

***Thu nhập khác:**

Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu như:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, hoàn lại
- Các khoản thu khác

❖ Chi phí:

Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định. Gồm có:

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành được xác định là tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- **Chi phí bán hàng:** là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm...

Nội dung chi phí gồm: chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí hoạt động tài chính:** phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp thường bao gồm:

+Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của thanh lý nhượng bán TSCĐ.

+Chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con...

+Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, bị truy thu thuế....

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖**Kết quả hoạt động kinh doanh:** là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh của doanh nghiệp bao gồm:

+**Kết quả hoạt động sản xuất kinh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---------------------------------------	---	-------------------------------------	---	------------------	---	------------------	---	------------------------------

+**Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập tài chính - Chi phí tài chính

+**Kết quả hoạt động khác**: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị.

- Phản ánh chính xác, đầy đủ các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh.

- Ngoài ra kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản.
- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa.
- Các chứng từ có liên quan khác

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

✓ **Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán từ các giao dịch, nghiệp vụ bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên Nợ :

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định trong kỳ kế toán.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

TK 511 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 5111- doanh thu bán hàng hóa

TK 5112- doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113- doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114- doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117- doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

TK 5118- doanh thu khác

✓ **Tài khoản 512 : doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản này dùng phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512

Bên Nợ :

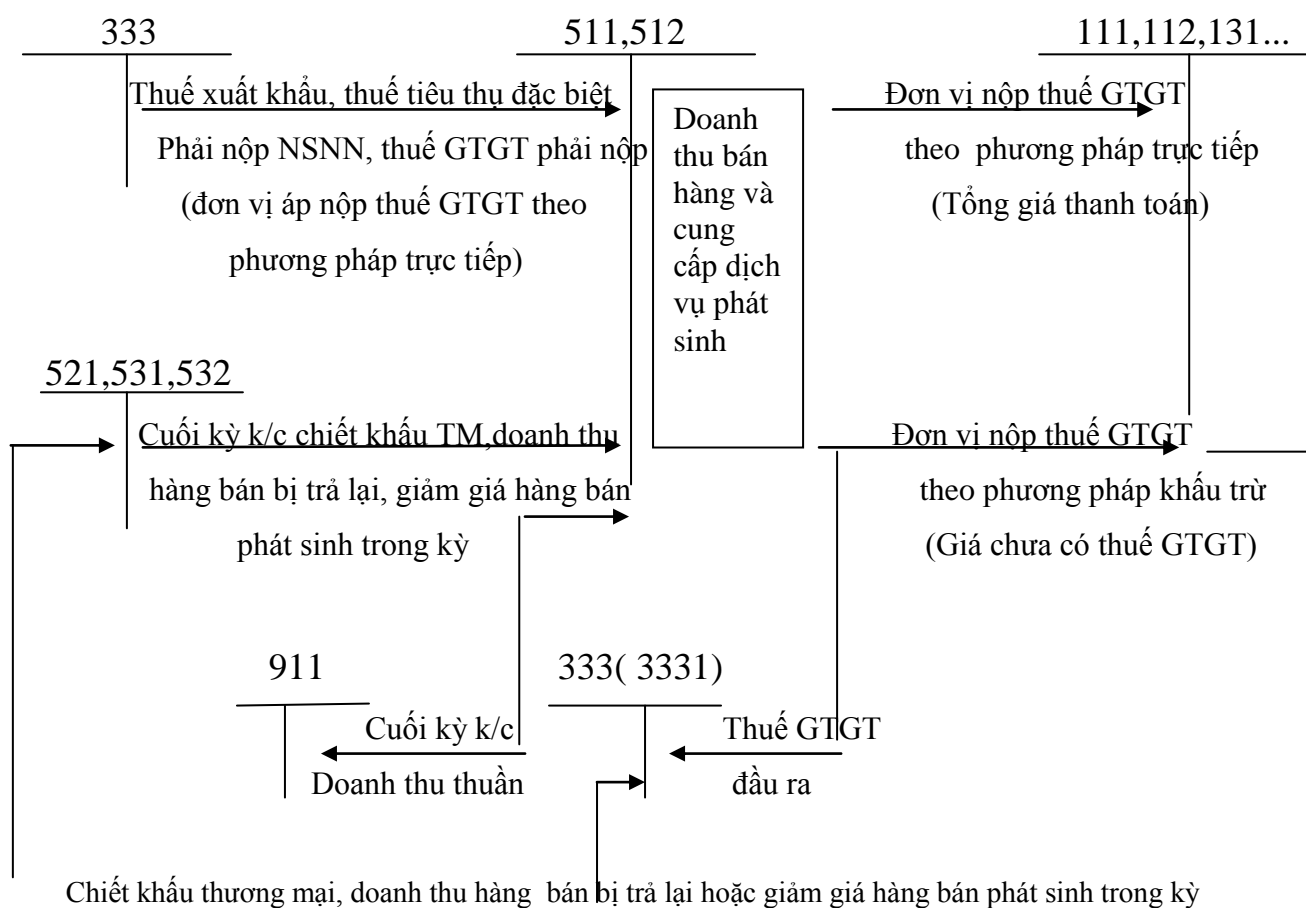
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có: Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán: được khái quát theo sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán như : phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo có...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

✓ **Tài khoản 521 : Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521- chiết khấu thương mại

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511-“doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kì hạch toán.

TK 521- chiết khấu thương mại không có số dư cuối kì

TK 521- chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2

TK 5211- chiết khấu hàng hóa

TK 5212- chiết khấu thành phẩm

TK 5213- chiết khấu dịch vụ

✓ **TK 531- hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì kế toán.

Trị giá thuần hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế thực hiện trong kì kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán, dịch vụ đã tiêu thụ trong kì kế toán.

Tài khoản này phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại

mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641- chi phí bán hàng.

Kết cấu của tài khoản 531- hàng bán bị trả lại.

Bên nợ:

Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra, dịch vụ đã tiêu thụ.

Bên có:

Kết chuyển trị giá của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản 512 “doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kì kế toán.

TK 531- không có số dư cuối kì

✓ **TK 532- giảm giá hàng bán**

Kết cấu của TK 532- giảm giá hàng bán

Bên nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

Bên có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc TK512- doanh thu nội bộ.

TK 532- không có số dư cuối kì

Ngoài ra còn sử dụng tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

+TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

+TK 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt

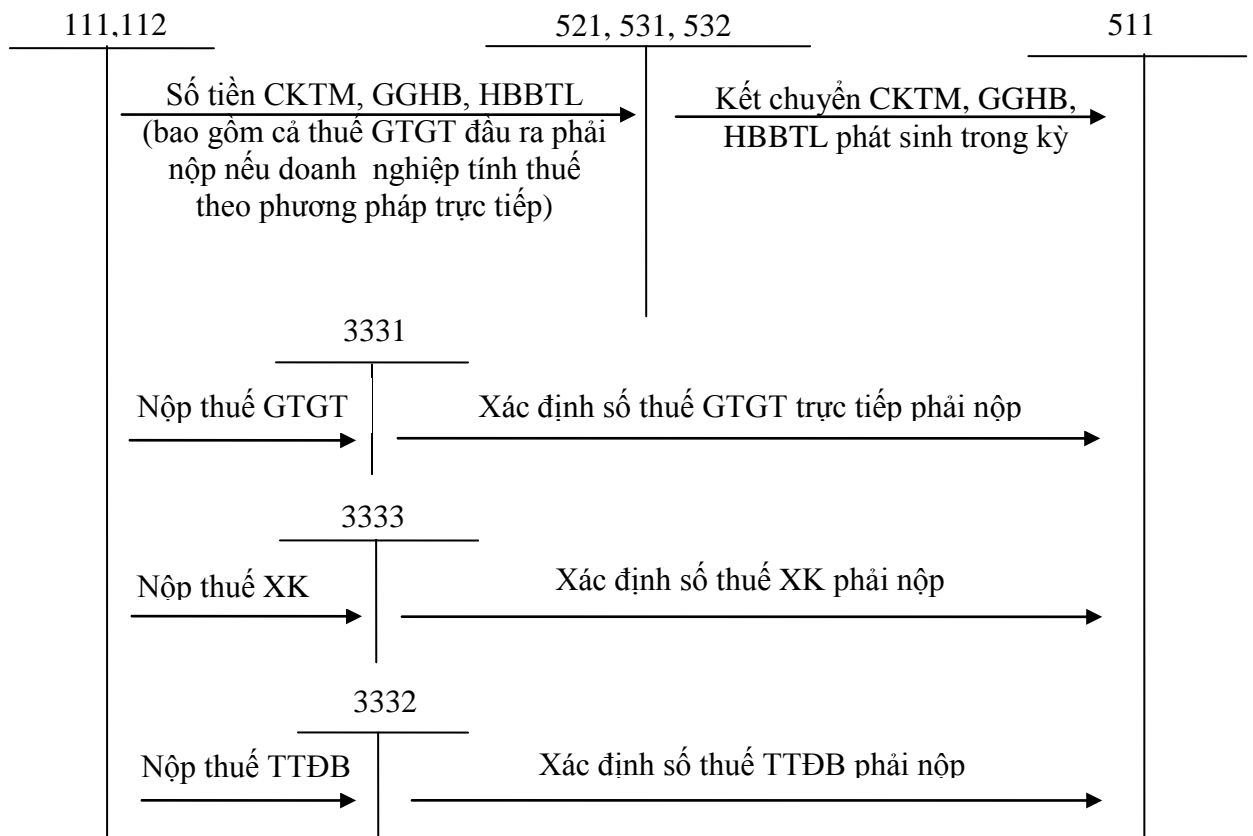
+TK 3333: Thuế xuất, nhập khẩu

1.2.2.3.Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo

sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- + Phiếu xuất kho (mẫu 01- VT)
- + Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- + Và các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng

✓ **TK 632- giá vốn hàng bán**

Kết cấu của tài khoản 632

Bên nợ:

- + Tập hợp giá trị vốn thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kì.
- + Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kì

Bên có:

- + Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kì
- + Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 –“Xác định kết

quả kinh doanh”.

TK 632- giá vốn hàng bán không có số dư cuối kỳ

❖ Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho

a. Phương pháp giá thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Trị giá hàng xuất kho được căn cứ vào đơn giá từng lần nhập hàng hóa, xuất hàng hóa của lô hàng nào thì lấy giá của lô hàng đó.

b. Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

$$\begin{aligned} \text{Trị giá vốn thực tế của hàng hóa xuất kho} &= \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân} \\ &= \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}} \\ \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} &= \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i} \\ \text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i &= \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i} \end{aligned}$$

c. Phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

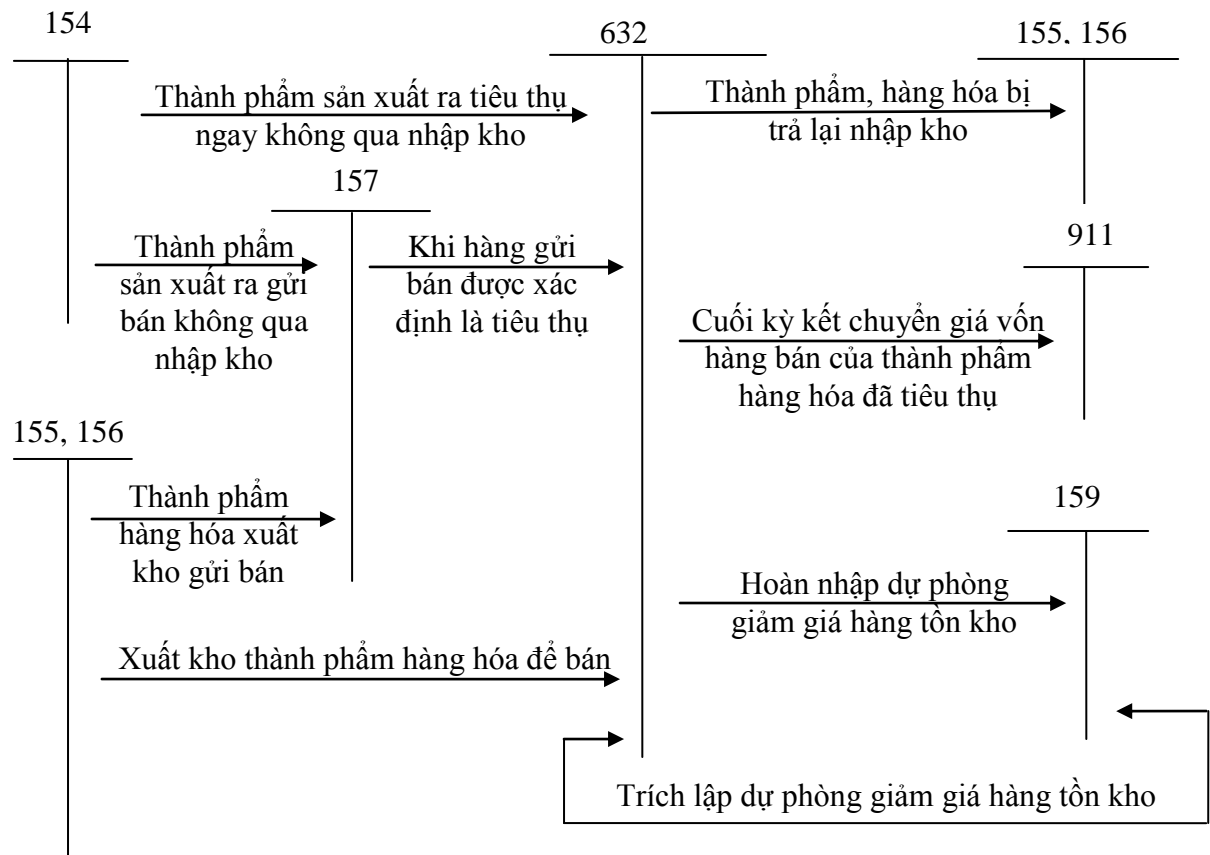
d. Phương pháp nhập sau xuất trước

Phương pháp nhập sau, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại

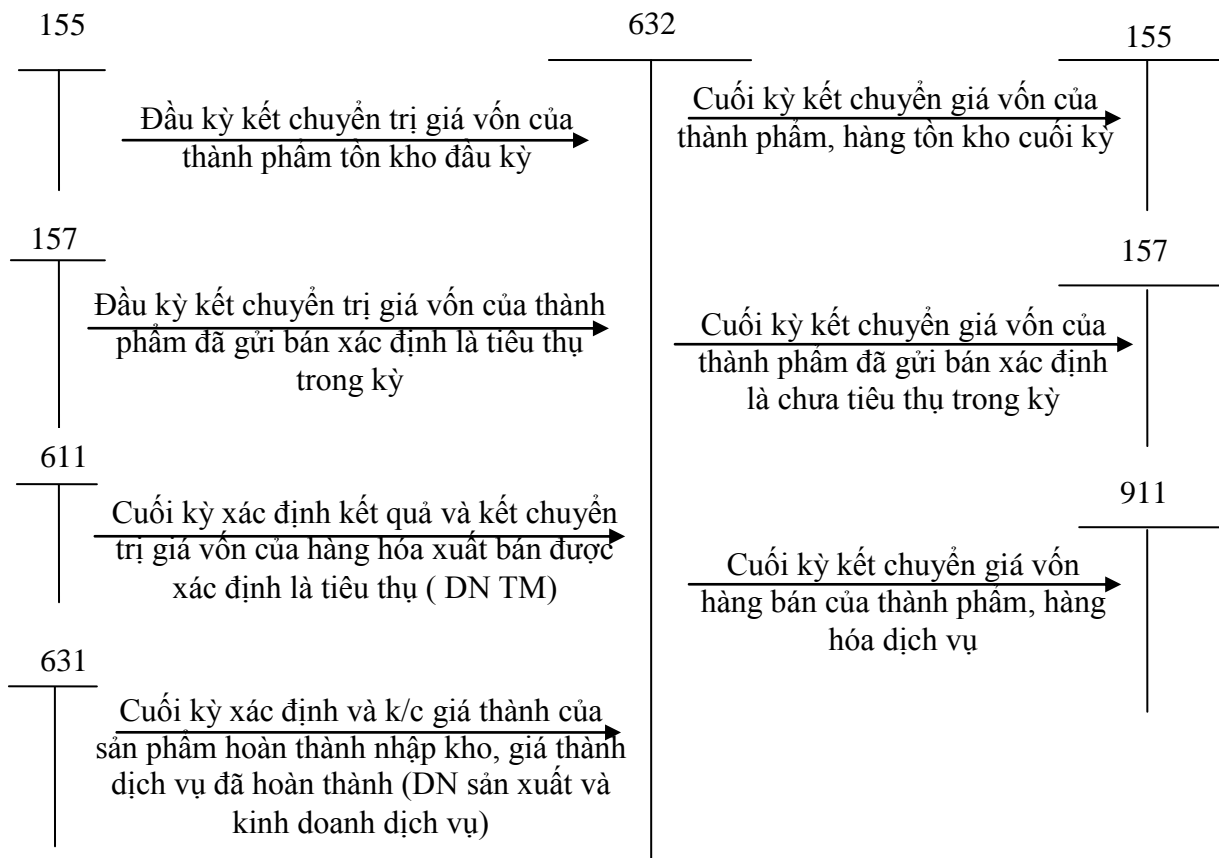
cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- * Nếu sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì còn sử dụng các tài khoản:
- + Tài khoản 611 - “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ.
- + Tài khoản 631 - “giá thành sản xuất”

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4 : Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng

- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (mẫu số 11- LĐTL)
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (mẫu số 07- VT)
- + Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTGT- 3 LL)
- + Phiếu chi (mẫu số 02- TT)
- + Chứng từ kế toán liên quan

1.2.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng

✓ **TK 641- chi phí bán hàng**

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 641- chi phí bán hàng

Bên nợ:

Tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, DV.

Bên có:

Kết chuyển cho phí bán hàng vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kì.

TK 641 không có số dư cuối kì

TK 641- chi phí bán hàng có 7 tài khoản cấp 2

- TK 6411- chi phí nhân viên
- TK 6412- chi phí vật liệu bao bì
- TK 6413- chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414- chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415- chi phí bảo hành
- TK 6417- chi phí dịch vụ bên ngoài
- TK 6418- chi phí bằng tiền mặt khác

✓ **TK 642- chi phí quản lí doanh nghiệp**

Kết cấu của TK 642- chi phí quản lí doanh nghiệp

Bên nợ:

Các chi phí quản lí doanh nghiệp thực tế phát sinh

Bên có:

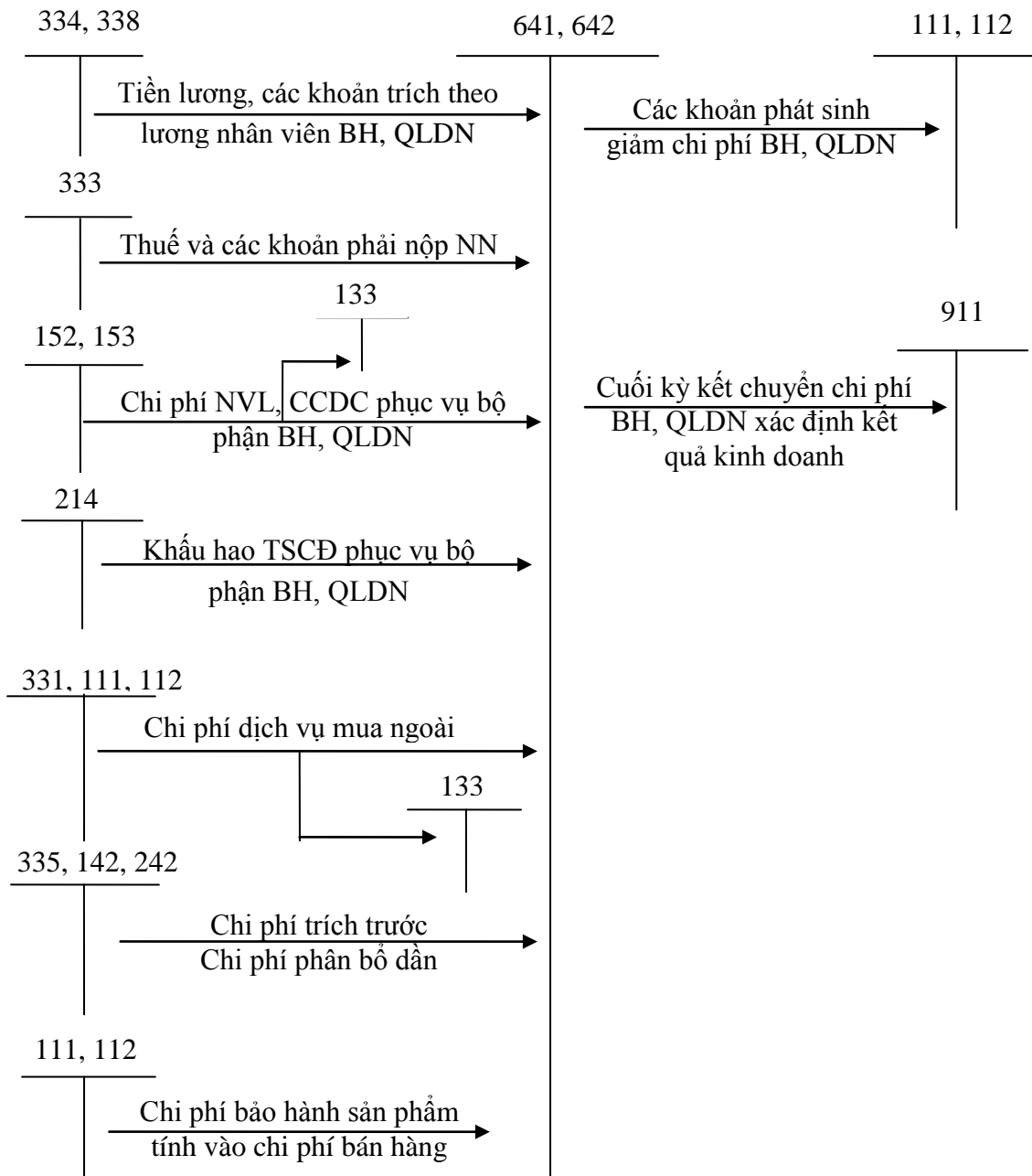
Các khoản ghi giảm chi phí quản lí doanh nghiệp và số chi phí quản lí doanh nghiệp được kết chuyển vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

TK 642- chi phí quản lí doanh nghiệp có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421- chi phí nhân viên quản lí
- TK 6422- chi vật liệu quản lí
- TK 6423- chi phí vật liệu văn phòng
- TK 6424- chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425- thuế, phí và lệ phí
- TK 6426- chi phí dự phòng
- TK 6427- chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428- chi phí bằng tiền khác

TK 642- chi phí quản lí doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.5 : Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các khế ước cho vay, đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ có liên quan...

1.2.5.2. Tài khoản kế toán sử dụng

✓ **Tài khoản 515- doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi tức được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 515

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp
- Kết chuyển số phân bổ chênh lệch, tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lãi tỉ giá giai đoạn trước hoạt động, khi hoàn thành đầu tư) để xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển khoản chênh lệch tỉ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài để xác định kết quả kinh doanh
- Kết chuyển doanh thu tài chính thuần sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có :

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Lãi phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ
- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB(lỗ tỷ giá trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính.
- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi BCTC của hoạt động ở nước ngoài vào doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

✓ **Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí lãi liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán... dự

phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 635

Bên Nợ :

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản tiền tệ gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Chi phí đất chuyển nhượng cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.
- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động ở nước ngoài (lỗ tỷ giá) vào chi phí tài chính.

Bên có :

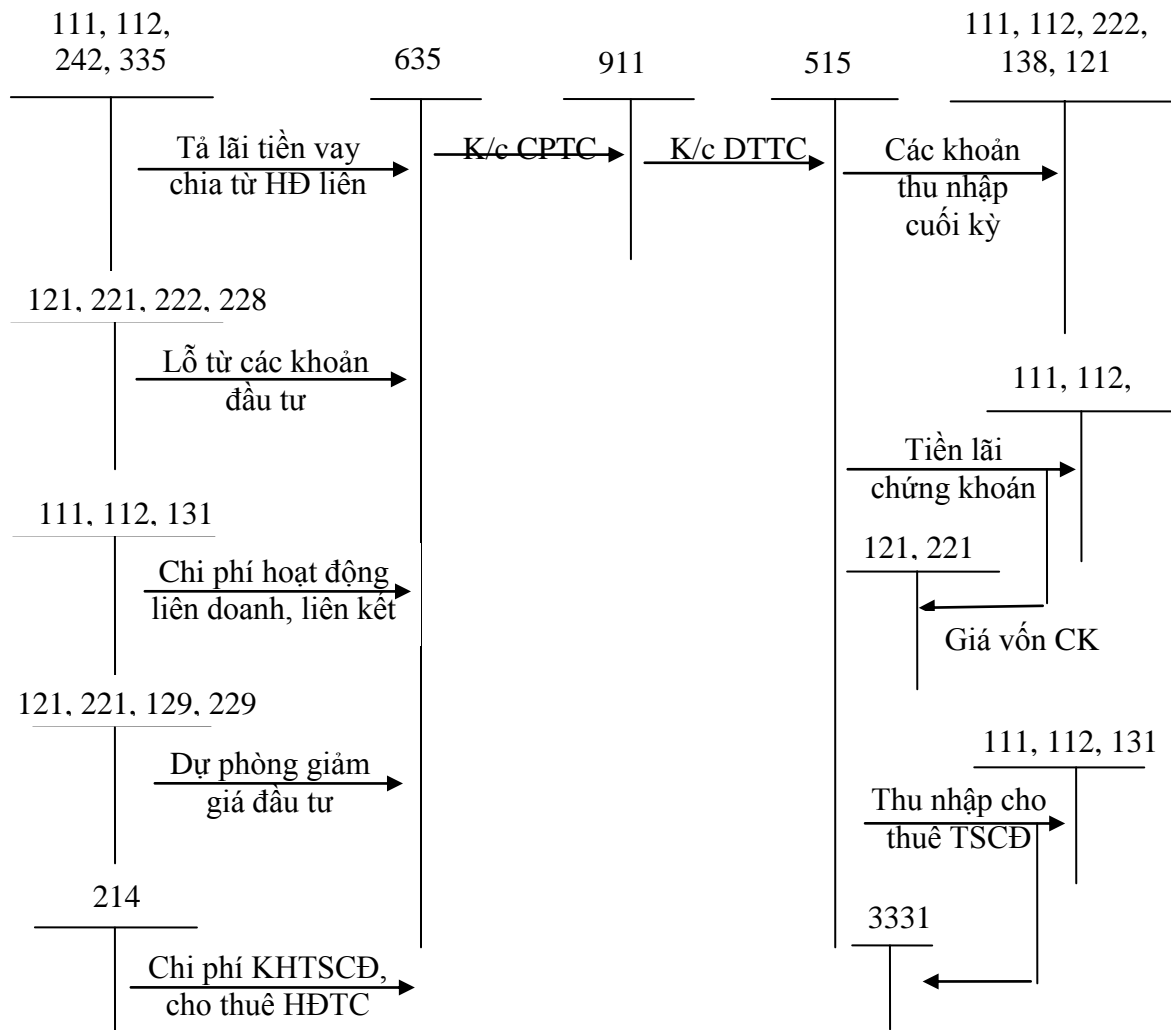
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Phản ánh số kết chuyển khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá giai đoạn trước thực hiện) đã hoàn thành đầu tư để xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh khoản xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái từ chuyển đổi báo cáo tài chính của hoạt động của nước ngoài (lỗ tỷ giá) để xác định kết quả kinh doanh.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính được khái quát theo sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

✓ **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 711:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên Có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 811

Bên Nợ :

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

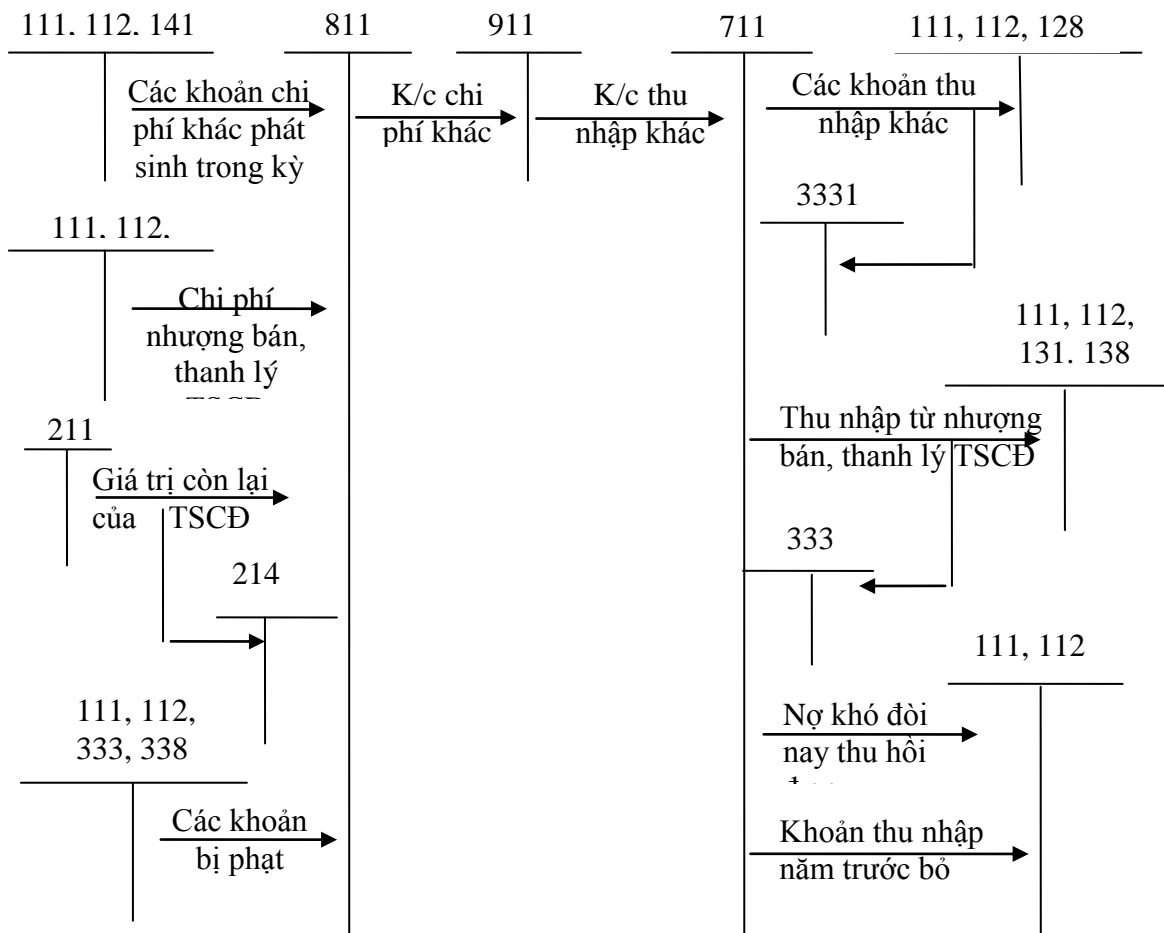
Bên Có :

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác, chi phí khác được khái quát theo sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7 : Kế toán thu nhập khác, chi phí khác



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

+ Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan ...

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

✓ **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kế cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 911:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.
Tài khoản 911 không có số dư

✓ **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, sử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh củ tài khoản 421:

Bên Nợ :

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư...
- Bổ sung vốn kinh doanh
- Lợi nhuận nộp cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có

Số dư bên Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Số dư bên Có: số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211: Lợi nhuận năm trước
- Tài khoản 4212: Lợi nhuận năm nay

Ngoài ra kế toán xác định và phân phối kết quả kinh doanh còn sử dụng các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 333, 511, 512, 515, 635...

✓ **Tài khoản 821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của

doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm khác phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả lại.

- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi Phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”⁰

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm.

- Số thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

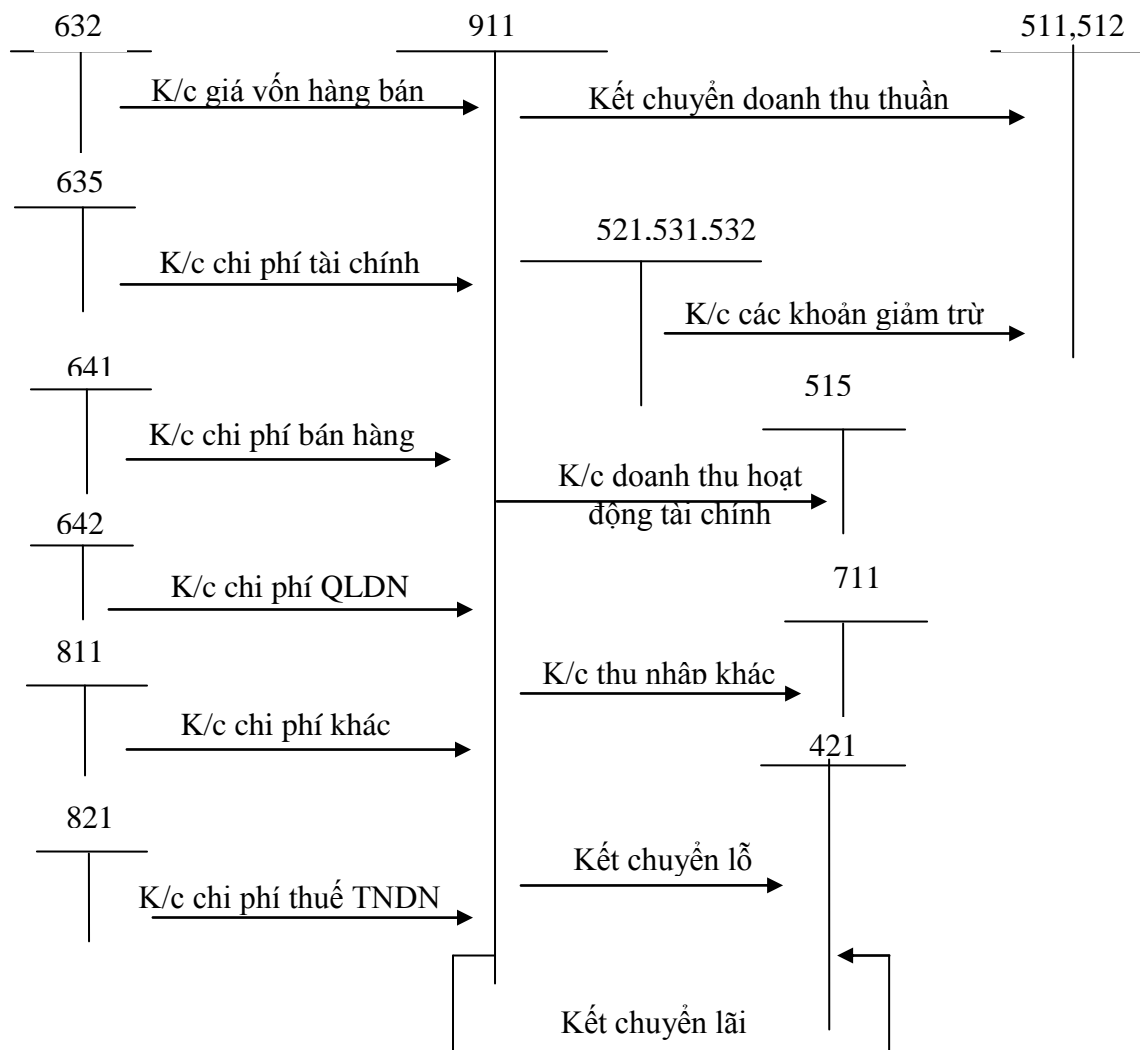
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong kỳ vào tài khoản bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

2.1.1. Quá trình hình thành pháp triển của công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng là doanh nghiệp tư nhân có tư cách pháp nhân, hoạt động sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty luôn sẵn sàng hợp tác, đầu tư phát triển, liên doanh, liên kết trong SXKD với các doanh nghiệp, đơn vị trong và ngoài nước thuộc các thành phần kinh tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Mục tiêu của công ty là đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực công ty đã được đăng ký. Quản lý và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước cũng như quốc tế. Nhằm ổn định công ăn việc làm cho người lao động, đóng góp đầy đủ cho ngân sách nhà nước và xây dựng công ty ngày càng phát triển.

Công ty được thành lập từ năm 1979 với tên gọi Xưởng cơ khí tư doanh Chiến Thắng, là đơn vị chuyên sản xuất, lắp ráp các sản phẩm cơ khí xe công nông đầu dọc, VC² 91 (do Sở GTCC Hải Phòng cấp giấy phép). Những chiếc xe thô sơ như vậy lúc đó phần nào đã đáp ứng được nhu cầu rất lớn của người lao động trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn.

Từ năm 1993 ÷ 1999 sản phẩm của công ty được nâng cấp là những chiếc xe công nông lắp máy ngang và ô tô tải nhẹ VC2.5-18 (do Bộ GTVT cấp phép) đã đạt sản lượng sản xuất hàng trăm xe / năm.

Ngày 20/09/2001 Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng ra đời theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0202000414 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên công ty: CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: Số 142 Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0313) 790882

Fax: (0313) 676675

Email: otochienthang@hn.vnn.vn

Về cơ sở vật chất, hiện nay công ty TNHH ô tô Chiến Thắng đã có một lượng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đủ khả năng đảm nhận sản xuất kinh doanh đóng mới, sửa chữa xe ô tô trong địa bàn thành phố cũng như các tỉnh bạn. Bao gồm:

- **Khu 1:** Ở số 142 + 144 đường Trần Tất Văn, phường Phù Liễn, quận Kiến An thành phố Hải Phòng là khu chuyên kinh doanh du lịch khách sạn tổng diện tích đất sử dụng là 1050 m² với 3 khu, phòng ăn, phòng hội thảo, phòng nghỉ với trang thiết bị tương đối hoàn hảo.

- **Khu 2:** số 259 phường Tràng Minh, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là khu chuyên sản xuất, lắp ráp ô tô một cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống nhà xưởng kho bãi, trang thiết bị máy móc tương đối hiện đại nằm trên khuôn viên đất sử dụng gần 60.000 m².

Trong đó khu 2 là một hệ thống gồm nhà xưởng sản xuất với dây chuyền máy móc hiện đại, nhà văn phòng làm việc, nhà đăng kiểm chất lượng xe, nhà kho, sân bãi...

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0202000414 do Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 20/09/2001. Ngành nghề kinh doanh gồm:

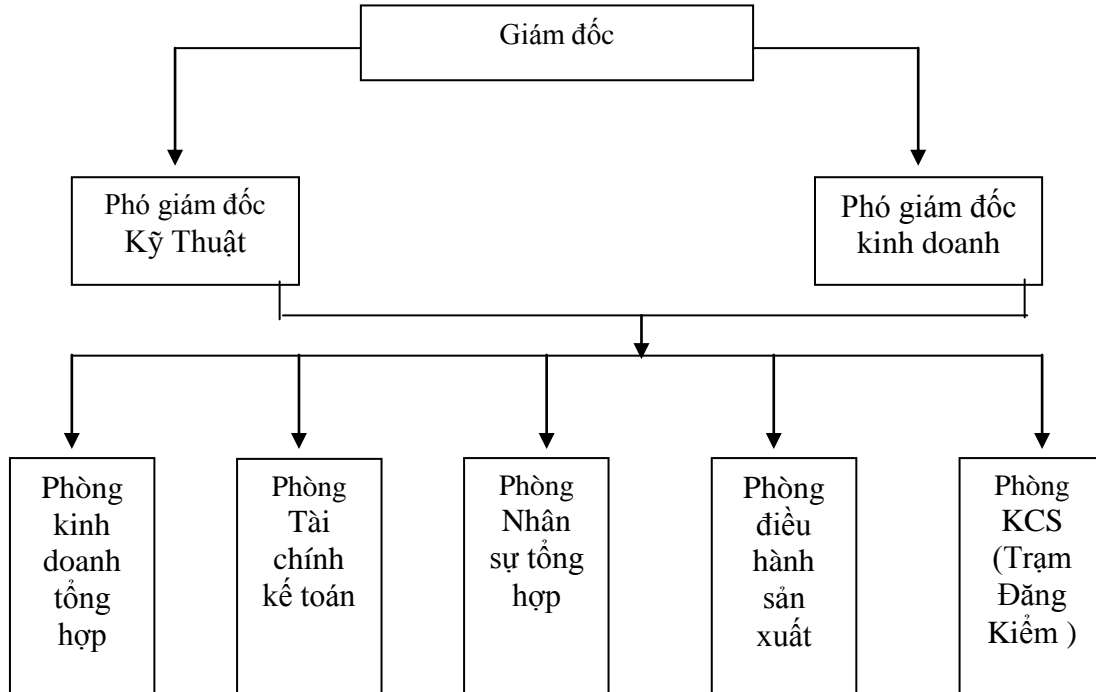
- Đóng mới và sửa chữa xe ô tô vận tải
- Đại lý mua bán ký gửi vật tư hàng hóa
- Kinh doanh dịch vụ du lịch khách sạn
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ô tô các loại
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Dịch vụ massage, xông hơi, vật lý trị liệu

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng là một doanh nghiệp tư nhân có chức năng thực hiện đầy đủ mọi công đoạn của quá trình sản xuất, từ khâu mua nguyên vật liệu đến xác định kết quả SXKD. Bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng bao gồm Ban giám đốc, cơ cấu các phòng ban và các phân xưởng sản xuất.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Giám đốc: là người tổ chức và điều hành toàn bộ hoạt động SXKD, công tác đầu tư phát triển của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động SXKD của Công ty.

Phó giám đốc kinh doanh: thu thập báo cáo từ các phòng ban trực thuộc, lên kế hoạch kinh doanh cụ thể. Chịu trách nhiệm trong quan hệ giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp. Báo cáo và đề xuất các phương án kinh doanh khi thị trường có biến động. Tham mưu, giúp việc cho giám đốc Công ty về lĩnh vực điều hành sản xuất, thay mặt giám đốc giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng.

Phó giám đốc kỹ thuật: Chịu trách nhiệm về kỹ thuật cơ cấu lắp ráp, phối hợp cùng bộ phận nghiên cứu thiết kế và các chuyên gia nước xúc tiến cải tiến kỹ thuật. Phối hợp cùng phòng Điều hành có kế hoạch sản xuất hợp lý, đúng tiến độ.

Phòng kinh doanh tổng hợp: Theo dõi, phân tích tình hình SXKD, từ đó xây dựng kế hoạch trong tháng, quý, năm. Báo cáo và tham mưu cùng Ban giám đốc Công ty, theo dự án hoạt động của các bộ phận, theo dõi chỉ đạo thực hiện kế

hoạch. Cuối năm tổng kết đánh giá mức độ hoàn thành công việc và xác lập kế hoạch mới cho kỳ sau.

Phòng nhân sự tổng hợp: Tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc trong việc tổ chức các bộ phận nội chính trong cơ quan, sắp đặt, bố trí các phòng ban. Căn cứ tình hình thực tế (đề xuất của các tổ trưởng tổ sản xuất, trưởng các nhóm, phòng điều hành) lên kế hoạch tuyển dụng đào tạo năng lực cán bộ cho Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: Có nhiệm vụ tổ chức hạch toán kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê của Nhà nước, tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty. Lập các báo cáo bất thường khi có những biến động về giá cả trên thị trường theo yêu cầu của Ban giám đốc.

Phòng Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS): Tham mưu, giúp việc cho giám đốc Công ty trong lĩnh vực kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình thi công theo quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn đăng kiểm trong nước và quốc tế.

Phòng điều hành: Phối hợp cùng phòng kinh doanh tổng hợp, phòng Tài chính kế toán, các tổ trưởng để có kế hoạch sản xuất từng loại sản phẩm. Điều hành sản xuất toàn nhà máy. Bám sát quá trình sản xuất để phối hợp với phòng nhân sự tổng hợp trong việc điều động, cắt giảm, tuyển dụng lao động.

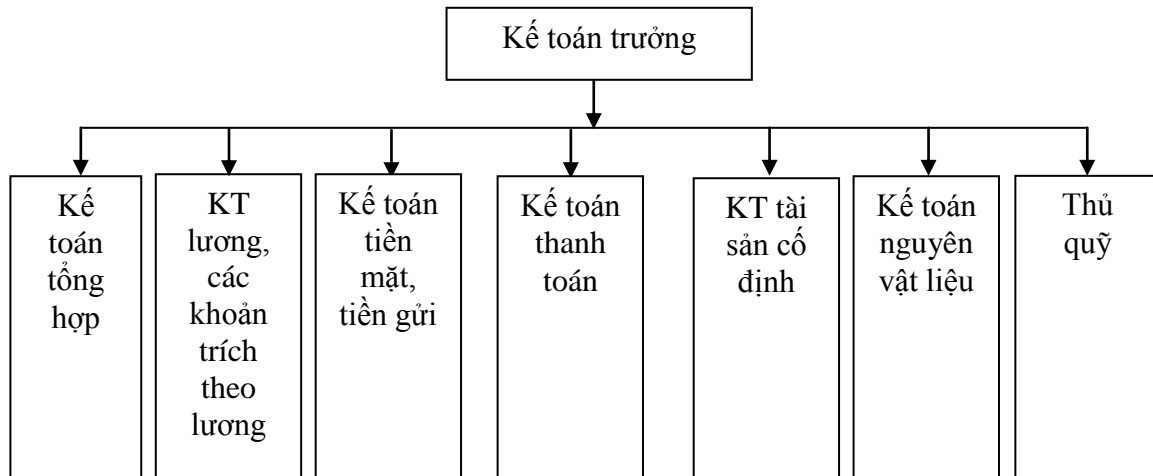
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán ở Công ty TNHH Chiến Thắng gồm 8 nhân viên. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở tất cả các phân hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, lên bảng kê chứng từ ghi sổ, chuyển qua kế toán trưởng, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo mô hình trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực

tiếp điều hành các nhân viên kế toán phân hành không thông qua trung gian nhận lệnh. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phân hành trong bộ máy kế toán. Cụ thể bộ máy kế toán của Công ty gồm các nhân viên với chức năng, nhiệm vụ như sau:

Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán của Công ty



Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính - Kế toán): Có chức năng tham mưu, giúp Ban giám đốc Công ty chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kế toán ở Công ty theo cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước. Thực hiện các chính sách, chế độ về công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính pháp lý của các loại hợp đồng.

Kế toán tiền mặt và tiền gửi: Theo dõi sự biến động tăng, giảm của tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các ngân hàng, đối chiếu số liệu trên sổ sách với số liệu thực tế tại quỹ và tại các ngân hàng và các chứng từ xác nhận công nợ.

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng ban, căn cứ vào định mức hệ số lương của từng cán bộ công nhân viên để tính lương, các khoản trích theo lương và phụ cấp của từng người ở từng bộ phận, phòng ban. Lập bảng tổng hợp tiền lương của toàn Công ty, phân bổ tiền lương theo quy định, theo dõi tính hình vay mượn, tạm ứng của từng đối tượng.

Kế toán thanh toán: Thực hiện việc theo dõi chi tiết từng khách hàng về giá trị tiền hàng, thời hạn thanh toán và tình hình thanh toán của từng khách hàng. Ngoài ra kế toán thanh toán cũng theo dõi việc thanh toán các khoản công nợ với nhà cung cấp, kiểm tra tính hợp lệ của các chứng từ trước khi thanh toán, theo dõi các khoản phải thu, phải trả khác.

Kế toán nguyên vật liệu: Theo dõi, phản ánh, báo cáo kịp thời đầy đủ tình hình nhập xuất tồn kho của nguyên vật liệu.

Kế toán TSCĐ: Theo dõi tài sản cố định hiện có cũng như tình hình tăng giảm tài sản cố định của nhà máy về đối tượng sử dụng, nguyên giá tài sản cố định, giá trị hao mòn, giá trị còn lại, tính và lập bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định, thực hiện kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản cố định theo quy định.

Thu quỹ: Thực hiện thu chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ đầy đủ hợp pháp và hợp lệ, vào sổ quỹ tiền mặt đầy đủ, kịp thời. Chịu trách nhiệm về số tiền mặt tại quỹ, thực hiện bảo quản tiền theo đúng quy định.

Kế toán tổng hợp: Có nhiệm vụ tổng hợp và tính giá thành cho từng loại sản phẩm, tính lãi, lỗ cho toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của cả Công ty. Căn cứ vào các chứng từ kế toán liên quan đến các khoản chi phí do các phần hành kế toán khác chuyển đến, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ kế toán cần thiết, lập báo cáo quý, năm và các báo cáo thuyết minh gửi cấp trên và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2.4.1.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Công ty đang áp dụng hệ thống chứng từ kế toán theo chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính ban hành.

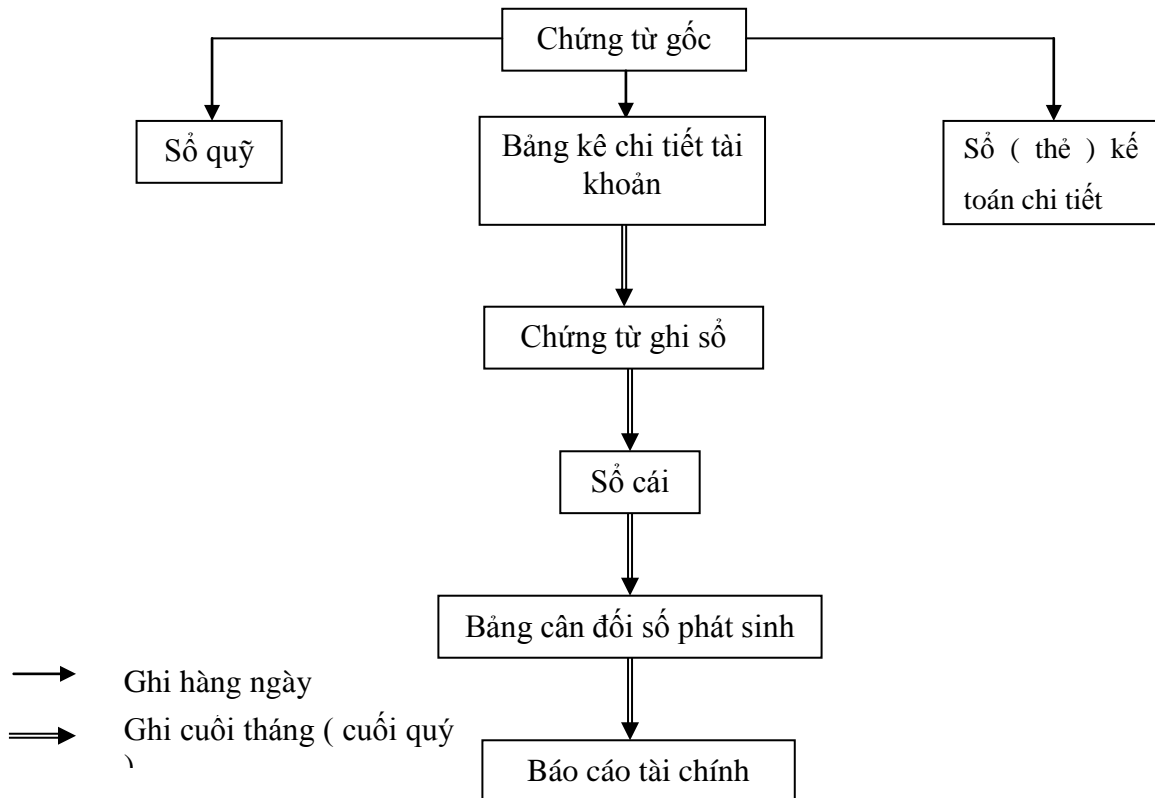
2.4.1.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính ban hành.

2.4.1.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Do đặc điểm sản xuất kinh doanh hiện nay công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 2.1. Trình tự ghi sổ tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng



2.4.1.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Công ty đang áp dụng hệ thống báo cáo tài chính theo chế độ Kế toán Việt Nam theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán, kiểm toán do Bộ Tài chính ban hành. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – DN)

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

2.2.1. KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

Doanh thu bán hàng: Công ty chuyên bán xe ô tô tải đóng mới các trọng tải từ 0,98 tấn đến 7 tấn. Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ trực tiếp tại kho của công ty.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Công ty kinh doanh dịch vụ về khách sạn.

+Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn mua bán thông thường
- Phiếu thu, giấy báo có ...
- Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản sử dụng:

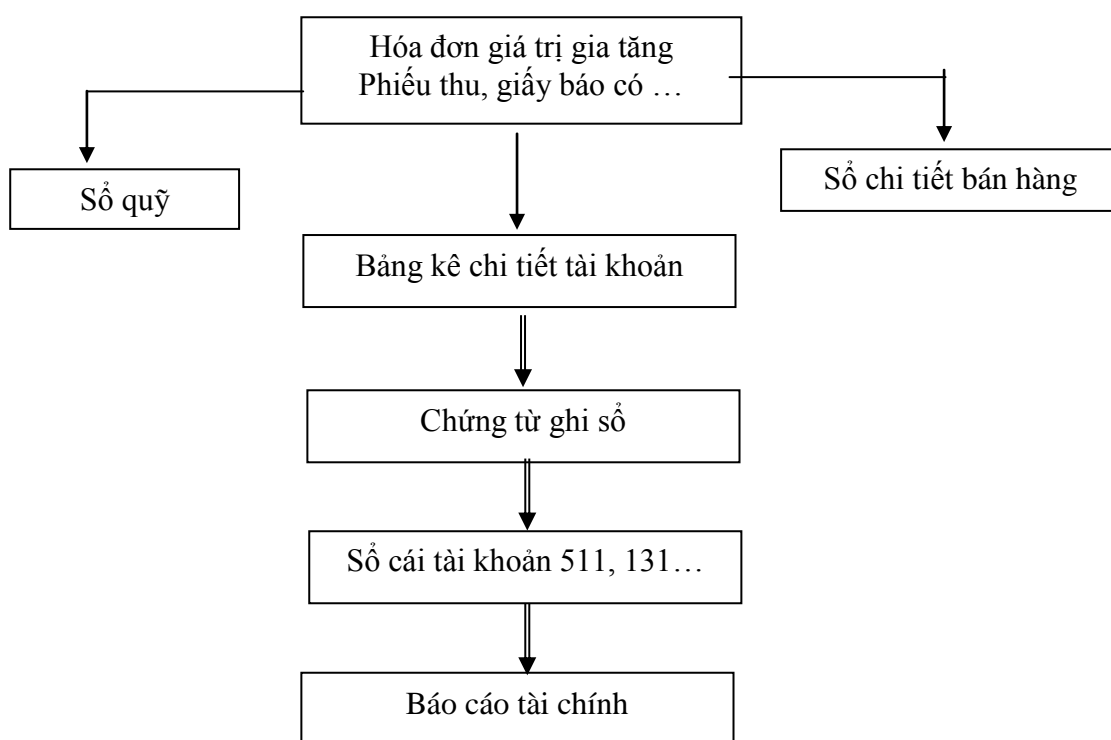
TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 111, 112, 131, 3331

Và các tài khoản khác có liên quan

+Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.1: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng.



Khi khách hàng mua hàng của công ty (tại kho của công ty) thì phòng kinh doanh sẽ viết phiếu xuất kho cho người mua. Căn cứ vào phiếu xuất kho để viết hóa đơn GTGT cho khách hàng. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần. Liên 1 màu tím để lưu, liên 2 màu đỏ giao cho khách hàng, liên 3 màu xanh giao cho kế toán dùng để hạch toán. Căn cứ vào hình thức thanh toán

của khách hàng để lập chứng từ gốc có liên quan. Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt. Phiếu thu được lập thành 3 liên: 1 liên lưu tại cuống, 1 liên giao cho khách hàng, 1 liên giao cho thủ quỹ. Giấy báo có của ngân hàng nếu khách hàng thanh toán bằng TGNH, chứng từ khác nếu khách hàng trả tiền sau.

Hàng ngày theo hóa đơn GTGT kê toán lập bảng kê chi tiết tài khoản, đồng thời vào sổ chi tiết bán hàng. Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái các tài khoản 511 và các tài khoản khác có liên quan... Cuối năm tổng hợp lập báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/11 bán xe tải ben Chiến Thắng 3.45 tấn 2 cầu (CT3.45D1 4x4) cho ông Bàn Văn Tuấn

Căn cứ vào hóa đơn GTGT 0042088 (biểu 2.1) kê toán vào bảng kê chi tiết tài khoản 511 (biểu 2.2). tài khoản 333 (biểu 2.3). Cuối tháng từ bảng kê chi tiết tài khoản lập chứng từ ghi sổ số 418, 419 (biểu 2.4). Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 511 (biểu 2.5). Đồng thời từ hóa đơn GTGT kê toán vào sổ chi tiết bán hàng (biểu 2.6). Cuối năm tổng hợp số liệu lập BCTC

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Mẫu số: 01/GTKT-3LL
**LT/2009B
0042088**

Đơn vị bán hàng: CTY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG
Địa chỉ: 142 TRẦN TẤT VĂN – KIẾN AN – HP
Số tài khoản: MST: 0200444027
Điện thoại:

Họ tên người mua hàng: **Bàn Văn Tuấn**

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Tiểu khu Tà Lọng, thị trấn nông trường Mộc Châu, Sơn La

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán : Tiền mặt

MS:

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xe ô tô tải ben Chiến Thắng CT3.45D14x4 SK:RLDTD11ZL9DA0085 SM: 490BQZL*0956332*	Cái	01	276.666.667	276.666.667
Cộng tiền hàng:					276.666.667
Thuế suất GTGT: 10% \times 50%		Tiền thuế GTGT			13.833.333
Tổng cộng tiền thanh toán:					290.500.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					

Người mua hàng
(Kí, họ và tên)

Người bán hàng
(Kí, họ và tên)

Thủ Trưởng đơn vị
(Kí, họ và tên)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Đơn vị: Cty TNHH ô tô Chiến Thắng

Mẫu số: 01-TT

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Quyển số:

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Số: 1158

Họ tên người nộp tiền: **Bàn Văn Tuấn**

Địa chỉ: Tiểu khu Tà Lọng, thị trấn nông trường Mộc Châu, Sơn La

Lí do nộp: Thanh toán tiền mua xe 3.45 tấn 2 cầu CT3.45D14x4

Số tiền: 290.500.000 (Viết bằng chữ) Hai trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Giám đốc (Kí, họ và tên)	Kế toán trưởng (Kí, họ và tên)	Người nộp tiền (Kí, họ và tên)	Người lập phiếu (Kí, họ và tên)	Thủ quỹ (Kí, họ và tên)
-----------------------------	-----------------------------------	-----------------------------------	------------------------------------	----------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm chín mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.

Tỉ giá ngoại tệ:

Số tiền quy đổi:

Biểu 2.2: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi có tài khoản 511

Tháng 11 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản		
Số hóa đơn	Ngày tháng			111	112	131
0042061	02.11	Cty TNHH Hùng Cường 02 xe 0.98 TUBO	362.857.142			362.857.142
.....
0042080	26.11	Cty TNHH Hải Hà 02 xe 3.45D1 4x4	553.333.334		553.333.334	
0042081	26.11	Khách lẻ(Vũ Thị Phòng) 01 xe 0.98D1	195.000.000	195.000.000		
0042082	27.11	Cty TM Minh Khai Đà Nẵng 05 xe 3.45D1 4x4	1.383.333.335			1.383.333.335
.....
0042087	30.11	Cty TNHH ô tô Đắc Lắc 05 xe 4.5D1 4x4	1.500.000.000			1.500.000.000
0042088	30.11	Khách lẻ(Bàn Văn Tuấn) 01 xe 3.45D1 4x4	276.666.667	276.666.667		
Tổng cộng			35.810.000.007	5.852.625.000	17.985.525.007	11.971.850.000

Biểu 2.3: Bảng kê chi tiết tài khoản 511

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi có tài khoản 3331

Tháng 11 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản		
Số hóa đơn	Ngày tháng			111	112	131
0042061	02.11	Cty TNHH Hùng Cường 02 xe 0.98 TUBO	18.857.142			18.857.142
.....
0042080	26.11	Cty TNHH Hải Hà 02 xe 3.45D1 4x4	27.666.666		27.666.666	
0042081	26.11	Khách lẻ(Vũ Thị Phòng) 01 xe 0.98D1	9.071.429	9.071.429		
0042082	27.11	Cty TM Minh Khai Đà Nẵng 05 xe 3.45D1 4x4	69.166.665			69.166.665
.....
0042087	30.11	Cty TNHH ô tô Đắc Lắc 05 xe 4.5D1 4x4	75.000.000			75.000.000
0042088	30.11	Khách lẻ(Bàn Văn Tuấn) 01 xe 3.45D1 4x4	13.833.333	13.833.333		
Tổng cộng			1.790.500.000	292.631.250	899.276.250	598.592.500

Biểu 2.4: Bảng kê chi tiết tài khoản 3331

Mẫu số: S35-DN

Đơn vị: CTY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Địa chỉ: 142 TRẦN TẤT VẤN, KIẾN AN, HP

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): CT 3.45D1 4x4

Tháng 11 năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác(521, 531,532)
							Nợ	Có		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	
.....		
26/11	0042080	26/11	Bán xe 3.45	112	02	276.666.667		553.333.334		
27/11	0042082	27/11	Bán xe 3.45	131	05	276.666.667		1.383.333.335		
.....		
30/11	0042088	30/11	Bán xe 3.45	111	01	276.666.667		276.666.667		
			Cộng		29	276.666.667		8.023.333.343		

Biểu 2.6. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 418

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 11	111	511	5.852.625.000	
	112	511	17.985.525.007	
	131	511	11.971.850.000	
Cộng			35.810.000.007	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Người lập
(Kí, họ và tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2009
 Kế toán trưởng
(Kí, họ và tên)

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 419

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	292.631.250	
	112	3331	899.276.250	
	131	3331	598.592.500	
Cộng			1.790.500.000	

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Người lập
(Kí, họ và tên)

Ngày 30 tháng 11 năm 2009
 Kế toán trưởng
(Kí, họ và tên)

Biểu 2.5: Chứng từ ghi sổ số 418, 419

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
30/11	418	30/11	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 11	111		5.852.625.000
				112		17.985.525.007
				131		11.971.850.000
.....
31/12	465	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4	911	141.717.353.758	
			Cộng		141.717.353.758	141.717.353.758

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá thực tế xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

$$\text{Đơn giá xuất} = \frac{\text{Trị tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số Lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Giá trị xuất} = \text{Đơn giá xuất} \times \text{Số lượng xuất}$$

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản sử dụng

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

- TK 155 – Thành phẩm

Ví dụ: Ngày 30.11 phát sinh nghiệp vụ bán xe tải ben 3.45 tấn CT3.45D1 4x4 cho ông Bàn Văn Tuấn theo hóa đơn số 0042088.

Căn cứ theo hóa đơn GTGT số 0042088 (biểu 2.1), viết phiếu xuất kho (biểu 2.7), kế toán vào bảng kê chi tiết tài khoản 155 (biểu 2.8). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ số 426 (biểu 2.9), từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái 632 (biểu 2.10). Đồng thời từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu 2.11).

Vì công ty áp dụng tính giá trị xuất kho bình quân cả kỳ nên giá vốn của xe CT 3.45D1 4x4 là 251.850.000đ.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Mẫu số: 02- VT

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, HP (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 4105

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Họ tên người nhận hàng: **Bàn Văn Tuấn**

Địa chỉ: Tiểu khu Tà Lọng, thị trấn nông trường Mộc Châu, Sơn La

Theo HĐGTGT Số 0042088 Ngày 30 Tháng 11 Năm 2009 của:

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư(sản phẩm HH)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Xe tải ben Chiến Thắng 3.45 tấn	CT3.45D1 4x4	Chiếc	01	01	251.850.000	251.850.000

Tổng số tiền (bằng chữ): Hai trăm năm mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng./.

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi có tài khoản 155

Tháng 11/ 2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ TK 632
Ngày tháng	Số hiệu			
.....
26.11	0042080	Xuất 02 xe 3.45D1 4x4	503.700.000	503.700.000
26.11	0042081	Xuất 01 xe 0.98D1	173.151.335	173.151.335
27.11	0042082	Xuất 05 xe 3.45D1 4x4	1.259.250.000	1.259.250.000
.....
30.11	0042087	Xuất 05 xe 4.5D1 4x4	1.413.226.250	1.413.226.250
30.11	0042088	Xuất 01 xe 3.45D1 4x4	251.850.000	251.850.000
		Cộng	27.075.865.667	27.075.865.667

Biểu 2.8: Bảng kê chi tiết tài khoản 155

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 426

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá vốn hàng bán trong tháng 11	632	155	27.075.865.667	
Cộng			27.075.865.667	

Kèm theo chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Biểu 2.9: Chứng từ ghi sổ số 426

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ :142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : Giá vốn hàng bán – 632

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
31.11	426	Giá vốn hàng bán tháng 11	155	27,075,865,667	
.....
31.12	475	Kết chuyển chi phí xđ Kqkd	911		131,590,679,547
		Cộng phát sinh		131,590,679,547	131,590,679,547
		Công lũy kế		546,362,718,294	546,362,718,294

Biểu 2.10: Sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 11/2009

Tài khoản : Thành phẩm (155)

Tên quy cách vật liệu, dụng cụ(SP, HH): Xe 3.45 tấn 2 cầu

Tiểu khoản:

Mã số vật liệu, dụng cụ (SP, HH): CT3.45D1 4x4

Tên kho:

Đơn vị tính: chiếc

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Số dư đầu kỳ							26	6.545.500.000
PN5120	01.11	Nhập từ sản xuất	154	252.023.333	15	3.780.350.000				
.....		
PX4117	26.11	Xuất bán xe	632	251.850.000			02	503.700.000	18	4.533.300.000
PX4119	27.11	Xuất bán xe	632	251.850.000			05	1.259.250.000	13	3.274.050.000
PX4123	30.11	Xuất bán xe	632	251.850.000			01	251.850.000	12	3.022.200.000
		Cộng phát sinh			15	3.780.350.000	29	7.303.650.000		
		Số dư cuối kỳ							12	3.022.200.000

Biểu 2.11: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

2.2.3. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

2.2.3.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

+ Chứng từ kế toán sử dụng

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng...

Các chứng từ khác có liên quan

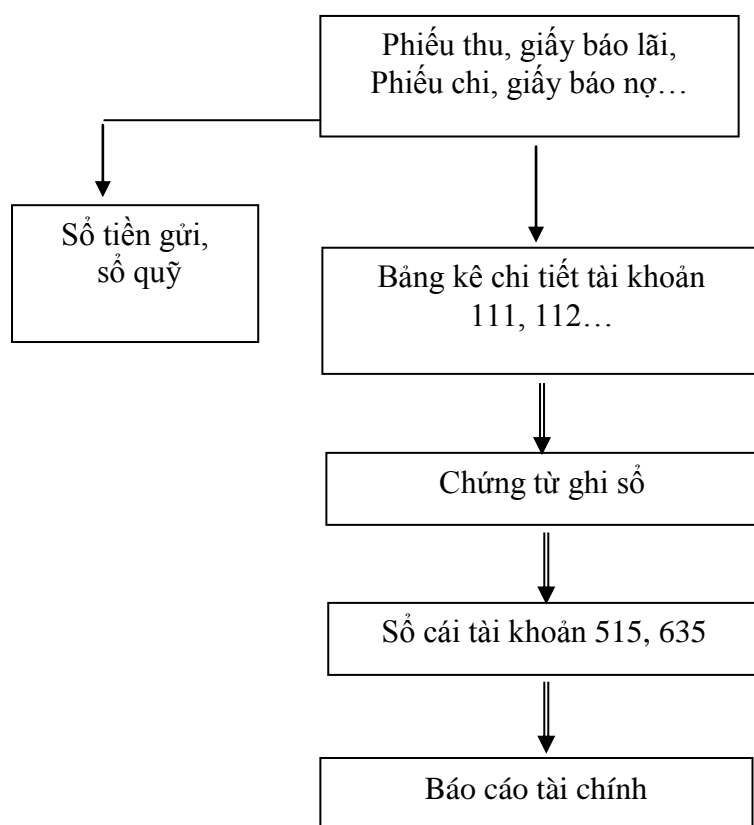
+ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

TK 112 – Tiền gửi ngân hàng

+ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính



Ví dụ: ngày 30.11 công ty nhận được giấy báo lãi của ngân hàng Công thương về lãi tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào giấy báo lãi (biểu 2.12) kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản 112 (biểu 2.13). Cuối tháng lập chứng từ ghi sổ số 414 (biểu 2.14), căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái tài khoản 515 (biểu 2.15).

VIETTINBANK

DDI079P

BRANCH: 002850 NHCT HP

GIAY BAO LAI

(tu ngày 01/10/2009 den ngay 31/12/2009)

Kinh gui: CONG TY TNHH O TO CHIEN THANG

Chung toi da tinh lai den cuoi ngày 31/12/2009 TK 012051000848 mo tai ngan hang chung toi voi lai suat va so tien nhu sau:

Lai suat (% nam) 3.850000000 So tien lai la: 2.850.045

Ngan hang: NHCT Hai Phong

Kinh bao

Biểu 2.12. Giấy báo lãi

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi nợ tài khoản 112

Tháng 11/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Các tài khoản ghi có		
Ngày tháng	Số hiệu			131	311	515
				
20.11	GB C	Cty Minh Khai chuyển tiền hàng	520.000.000	520.000.000		
21.11	KU	Vay ngắn hạn	1.000.000.00 0		1.000.000.00 0	
				
30.11	GB L	Lãi tiền gửi	2.850.045			2.850.045
		Cộng	8.642.794.55 0	4.895.706.00 0	3.744.238.50 5	2.850.045

Biểu 2.13. bảng kê chi tiết tài khoản 112

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 414

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tập hợp tăng tiền gửi ngân hàng				
Phải thu khách hàng	112	131	4,895,706,000	
Vay ngắn hạn	112	311	3,744,238,505	
Lãi tiền gửi	112	515	2,850,045	
.....			
Cộng			8.642.794.550	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.14. Chứng từ ghi sổ số 414

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 251 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính - 515

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Quý IV			
	
30.11	414	Tập hợp tăng gửi ngân hàng	112		2,850,045
31.12	459	Tập hợp tăng gửi ngân hàng	112		5,025,750
	
31.12	465	Kết chuyển doanh thu xđ kqkd	911	41,256,465	
		Cộng phát sinh		41,256,465	41,256,465
		Công lũy kế		332,188,003	332,188,003
		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.15. Sổ cái tài khoản 515

2.2.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của công ty TNHH ô tô Chiến Thắng là các khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái... Khoản trả lãi ngân hàng được kế toán theo dõi trên TK 635

* Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 635 – Chi phí tài chính
- TK 111, 112 – Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- Các tài khoản khác có liên quan

Căn cứ vào các khế ước cho vay, kế toán viết phiếu chi. Từ khế ước cho vay, phiếu chi kế toán lập chứng từ ghi sổ, và vào sổ cái các tài khoản có liên quan như 635, 111, 112...

* Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán được khái quát theo sơ đồ 2.2

Ví dụ: Ngày 17/12 phát sinh nghiệp vụ trả lãi tiền vay quý 4 bằng tiền mặt, số tiền 7.250.000đ theo phiếu chi số 4285.

Căn cứ theo phiếu chi 4285 (biểu 2.16) kế toán lập bảng kê chi tiết TK 111 (biểu 2.17), cuối tháng lập chứng từ ghi sổ số 452 (biểu 2.18). Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 635 (biểu 2.19), các tài khoản có liên quan... cuối năm tập hợp lập BCTC.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An - HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Quyển số:
Số : PC 4285

Họ tên người nhận tiền: Vũ Thị Hà
Địa chỉ: Thôn Văn Hòa, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy
Lý do trả: *Trả tiền lãi vay quý 4*
Số tiền: 7.250.000 Viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng./.

Ngày 17 tháng 12 năm 2009

Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	---	--	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) : Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng./.

+Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc, đá quý):

+Số tiền quy đổi:

Biểu 2.16: Phiếu chi số 4285

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi có tài khoản 111

Tháng 12/2009

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	Ghi nợ các tài khoản			
Số hiệu	Ngày tháng			133	152	635	...
.....
PC428 4	16.12	Mua NVL	22.126.720	2.011.520	20.115.200		
PC428 5	17.12	Trả lãi vay	7.250.000			7.250.000	
.....
PC429	25.11	Mua NVL	10.835.715	985.065	9.850.650		

1							
.....
		Cộng	1.982.630.255	3.475.425	34.754.250	7.250.000	...

Biểu 2.17: Bảng kê chi tiết tài khoản 111

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 251 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 452

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tập hợp giảm tiền mặt				
Mua nguyên vật liệu	152	111	34.754.250	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	3.475.425	
.....	
Trả lãi vay	635	111	7.250.000	
.....			
Cộng			1.982.630.255	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.18: Chứng từ ghi sổ số 452

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 251 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : Chi phí hoạt động tài chính - 635

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
				
31.12	452	Trả lãi vay quý 4 (TM)	111	7.250.000	
31.12	454	Trả lãi vay quý 4 (TGNH)	112	5.850.865	
				
31.12	466	Kết chuyển chi phí xđ kqkd	911		25.178.850
		Cộng phát sinh		25.178.850	25.178.850

	Công lũy kế		132.052.080	132.052.080
	Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.19: Sổ cái tài khoản 635

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng

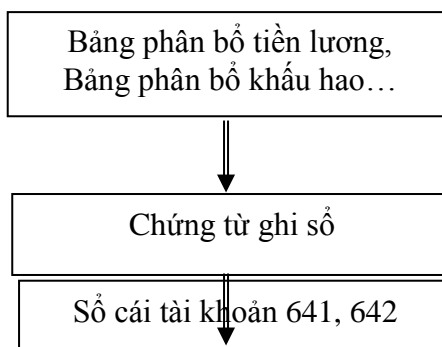
+ Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Bảng phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác có liên quan

+ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

+Quy trình hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng.



Cuối tháng tập hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh vào chứng từ ghi sổ. Từ đó vào sổ cái các tài khoản 641, 642

Ví dụ: Ngày 30.11 phát Báo cáo tài chính tiền lương cho cán bộ, công nhân viên.

Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương và BHXH tháng 11/2009 (biểu 2.20) kế toán lập chứng từ ghi sổ số 409, 410 (biểu 2.21). Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái tài khoản 641 (biểu 2.22) , TK 642 (biểu 2.23).

Đơn vị : Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI
THÁNG 11/ 2009**

TK Có TK Nợ	334			338				
	Lương chính	Phụ cấp	Cộng	3382	3383	3384	3389	Cộng
1-TK 622	819.678.581	52.000.000	871.678.581	4.256.000	31.920.000	4.256.000	2.128.000	42.560.000
2-TK 627	14.262.433	1.500.000	15.762.433	112.000	840.000	112.000	56.000	1.120.000
3-TK 641	7.175.800	2.100.000	9.275.800	32.000	240.000	32.000	16.000	320.000
4-TK 642	43.882.632	3.200.000	47.082.632	192.000	1.440.000	192.000	96.000	1.920.000
5-TK 334					11.480.000	2.296.000	2.296.000	16.072.000
Cộng	884.999.446	58.800.000	943.799.446	4.592.000	45.920.000	6.888.000	4.496.000	61.896.000

Biểu 2.20: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 11/2009

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn – Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 409

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi phí tiền lương				
Công nhân trực tiếp sản xuất	622	334	871,678,581	
Bộ phận quản lý doanh nghiệp	642	334	47,082,632	
Bộ phận bán hàng	641	334	9,275,800	
Sản xuất chung	627	334	15,762,433	
Cộng			943,799,446	

Kèm theo chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 410

Ngày 30 tháng 11 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Các khoản trích theo lương				
Chi phí công nhân trực tiếp sản xuất	622	338	42.560.000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	338	1.920.000	
Chi phí bán hàng	641	338	320.000	
Chi phí sản xuất chung	627	338	1.120.000	
Trừ vào lương	334	338	16.072.000	
Cộng			61.896.000	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.21: Chứng từ ghi sổ số 409, 410

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : Chi phí bán hàng – 641
 Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
				
30.11	409	Chi phí tiền lương	334	9.275.800	
30.11	410	Các khoản trích theo lương	338	320.000	
30.11	413	Chi phí phục vụ bán hàng	111	26.152.009	
				
31.12	466	Kết chuyển doanh thu xđ kqkd	911		192.955.383
		Cộng phát sinh quý 4		192.955.383	192.955.383
		Cộng lũy kế cả năm		519.821.532	519.821.532
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp – 642
 Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
				
30.11	409	Chi phí lương	334	47.082.632	
30.11	410	Các khoản trích theo lương	338	1.920.000	
30.11	413	Chi phí dịch vụ mua ngoài	111	32.458.765	
				
31.12	466	Kết chuyển doanh thu xđ kqkd	911		3.652.019.866
		Cộng phát sinh quý 4		3.652.019.866	3.652.019.866
		Cộng lũy kế cả năm		9.781.828.487	9.781.828.487
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Biểu 2.22: Sổ cái tài khoản 641, 642

2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

2.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

+Chứng từ kế toán sử dụng:

Phiếu thu, giấy báo có, hóa đơn GTGT

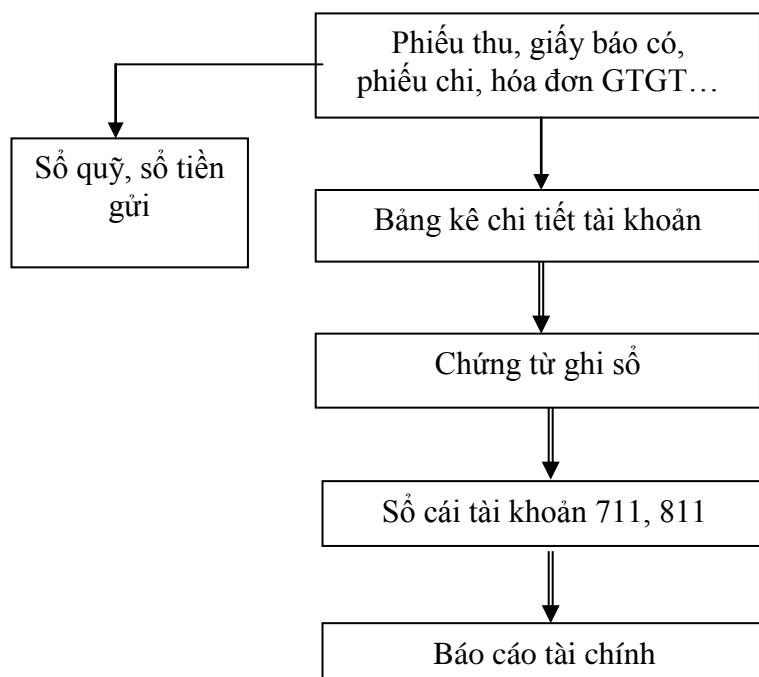
Các chứng từ khác có liên quan

+Tài khoản kế toán sử dụng:

Tk 711: Thu nhập khác

Tk 111, 112, 211, 214....

+Trình tự hạch toán: khi phát sinh các khoản thu nhập khác kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản, cuối tháng lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 711, TK 111...Cuối năm tổng hợp lập BCTC.



Ví dụ: Ngày 24/3 công ty thanh lý xe Mercedes 16H – 9388 đã qua sử dụng với giá 80.000.000 (VAT 5%).

Căn cứ theo quyết định thanh lý xe (biểu 2.23), hóa đơn GTGT 0060887 (biểu 2.24) kế toán lập bảng kê chi tiết tài khoản (biểu 2.25). Từ bảng kê cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ số 112 (biểu 2.26), vào sổ cái tài khoản 711. Cuối năm tập hợp số liệu lập BCT

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Mẫu số 02 - TSCĐ

Bộ phận: Quản lý doanh nghiệp

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Căn cứ Quyết định số: 015 ngày 21 tháng 03 năm 2009 của Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- Ông: Nguyễn Văn Hùng Chức vụ: Phó giám đốc Trưởng ban
- Ông: Nguyễn Văn Sinh Chức vụ: Phó giám đốc Ủy viên
- Ông: Nguyễn Hữu Hải Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:

- Tên, kí mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Xe Mercedes 16H9388
- Số hiệu TSCĐ: X 015 -Nước sản xuất: Đức
- Năm đưa vào sử dụng: 2002 -Số thẻ TSCĐ: 0135
- Nguyên giá TSCĐ: 447.734.509
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 385.549.161
- Giá trị còn lại của TSCĐ: 62.185.348

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ

Ban thanh lý TSCĐ xác nhận xe Mercedes 16H9388 được thanh lý với giá trị 76.190.476đ là hợp lý và quyết định cho thanh lý tài sản.

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Trưởng ban thanh lý

(Kí, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ:.....(viết bằng chữ):.....
- Giá trị thu hồi: 76.190.476 (viết bằng chữ) Bảy mươi sáu triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm bảy sáu đồng./.
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 20 tháng 03 năm 2009

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.23: Biên bản thanh lý xe

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

Liên 3: Nội bộ

RA/2009

0060887

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Đơn vị bán hàng:

CTY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG
142 TRẦN TẤT VĂN – KIẾN AN –
HP

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng: **Nguyễn Đức Hỷ**

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Tràng Minh, Kiến An, HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MS:

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xe Mercedes đã qua sử dụng. SK: ZS2058KB06301 SM: 2452TB*52106*	cái	01	76.190.476	76.190.476
Cộng tiền hàng:					76.190.476
Thuế suất GTGT: 10% x50%		Tiền thuế GTGT		3.809.524	
Tổng cộng tiền thanh toán:					80.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi triệu đồng chẵn./.					

Người mua hàng
(Kí, họ và tên)

Người bán hàng
(Kí, họ và tên)

Thủ Trưởng đơn vị
(Kí, họ và tên)

Biểu 2.24: Hóa đơn GTGT 0060887

Đơn vị: Cty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, HP

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Quyền số:

Số: 1030

Họ tên người nộp tiền: Nguyễn Đức Hỷ

Địa chỉ: Tràng Minh, Kiến An, HP

Lí do nộp: Thanh toán tiền mua xe Mercedes 16H9388

Số tiền: 80.000.000 (Viết bằng chữ) Tám mươi triệu đồng chẵn./.

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Giám đốc (Kí, họ và tên) Kế toán trưởng (Kí, họ và tên) Người nộp tiền (Kí, họ và tên) Người lập phiếu (Kí, họ và tên) Thủ quỹ (Kí, họ và tên)

Biểu 2.25: Phiếu thu 1030

BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Ghi Nợ TK 111

Tháng 03 năm 2009

Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	Số tiền	Ghi các tài khoản có		
				511	3331	711
....			
20	PT1026	Thu tiền hàng (Cty Lương Hà)	290.500.000	276.666.667	13.833.333	
21	PT1027	Thu tiền hàng (khách lẻ)	192.500.000	183.333.333	9.166.667	
....			
24	PT1030	Thu tiền thanh lý xe 16H9388	80.000.000		3.809.524	76.190.476
.....			
Cộng			10.785.240.522	5.125.750.000	256.287.500	76.190.476

Biểu 2.26: Bảng kê chi tiết tài khoản 111

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 112

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tập hợp tăng tiền mặt				
Thu tiền hàng	111	511	1.350.680.667	
Phải thu khách hàng	111	131	290.500.000	
Thu nhập khác	111	711	76.190.476	
Thuế GTGT đầu ra	111	3331	71.343.557	
.....			
Cộng			10.785.240.522	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.27: Chứng từ ghi sổ số 112

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ :142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : Thu nhập khác – 711

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
		Số phát sinh			
31.03	112	Thu thanh lý xe 16H9388	111		76.190.476
31.03	119	Kết chuyển xđ kqkd	911	76.190.476	
		Cộng phát sinh		76.190.476	76.190.476
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Sinh viên: Lê Thị Ngọc Thuỳ

Lớp: QT1004K

Biểu 2.28: Sổ cái tài khoản 711

2.2.6.2. Kế toán chi phí khác

+ Chứng từ kế toán sử dụng:

Biên bản thanh lý

Phiếu kế toán, phiếu chi, hóa đơn GTGT

Các chứng từ có liên quan khác

+ Tài khoản kế toán sử dụng:

TK 811: Chi phí khác

TK 211, TK 214, TK 111...

Trình tự hạch toán: khi phát sinh các khoản chi phí khác (chi phí thanh lý, chênh lệch lỗ, các khoản phạt...) kế toán tập hợp chứng từ, lập bảng kê, lập chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 811, 111, 211... Cuối năm tập hợp lập BCTC.

Ví dụ: Thanh lý xe Mercedes đã qua sử dụng với giá 80.000.000 (VAT 5%) theo hóa đơn GTGT số 0060887.

Căn cứ theo quyết định thanh lý xe (biểu 2.23), hóa đơn GTGT 0060887 (biểu 2.24) kế toán lập phiếu kế toán số 79 (biểu 2.29). Từ phiếu kế toán cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ số 116 (biểu 2.30), vào sổ cái tài khoản 811. Cuối năm tập hợp số liệu lập BCTC.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 24 tháng 03 năm 2009

Số: 79

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Thanh lý tài sản cố định			
	Giá trị hao mòn lũy kế	214	211	385.549.161
	Giá trị còn lại	811	211	62.185.348
	Tổng			447.734.509

Người lập biểu

Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 79

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 116

Ngày 31 tháng 03 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tập hợp giảm TSCĐ				
Giá trị hao mòn lũy kế	214	211	385.549.161	
Giá trị còn lại	811	211	62.185.348	
Cộng			447.734.509	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.30: Chứng từ ghi sổ số 116

Đơn vị : Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ :142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : Chi phí khác – 811

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
		Số phát sinh			
31.03	116	Giảm TSCĐ (giá trị còn lại)	211	62.185.348	
31.03	120	Kết chuyển xđ kqkd	911		62.185.348
		Cộng phát sinh		62.185.348	62.185.348
		Số dư cuối kỳ			

Biểu 2.31: Sổ cái tài khoản 811

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+Chứng từ kế toán sử dụng:

-Phiếu kế toán

+Tài khoản kế toán sử dụng:

TK 911 – Xác định kết quả sản xuất kinh doanh. Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh và các hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm.

Các tài khoản khác có liên quan như: TK 511, 632, 641, 642, 821. 421...

Cách xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{matrix} \text{Kết} \\ \text{qua} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Doanh} \\ \text{thu} \\ \text{thuần} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá} \\ \text{vốn} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Doanh} \\ \text{thu hđ} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{CP} \\ \text{bán} \\ \text{hàng} \\ \text{QLDN} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Thu} \\ \text{nhập} \\ \text{khác} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Chi} \\ \text{phí} \\ \text{khác} \end{matrix}$$

+Trình tự hạch toán: Cuối quý kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính toán số thuế TNDN phải nộp. Kế toán lập các chứng từ ghi sổ, vào sổ cái tài khoản 911 và các tài khoản có liên quan.

Kế toán thực hiện tính toán kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh

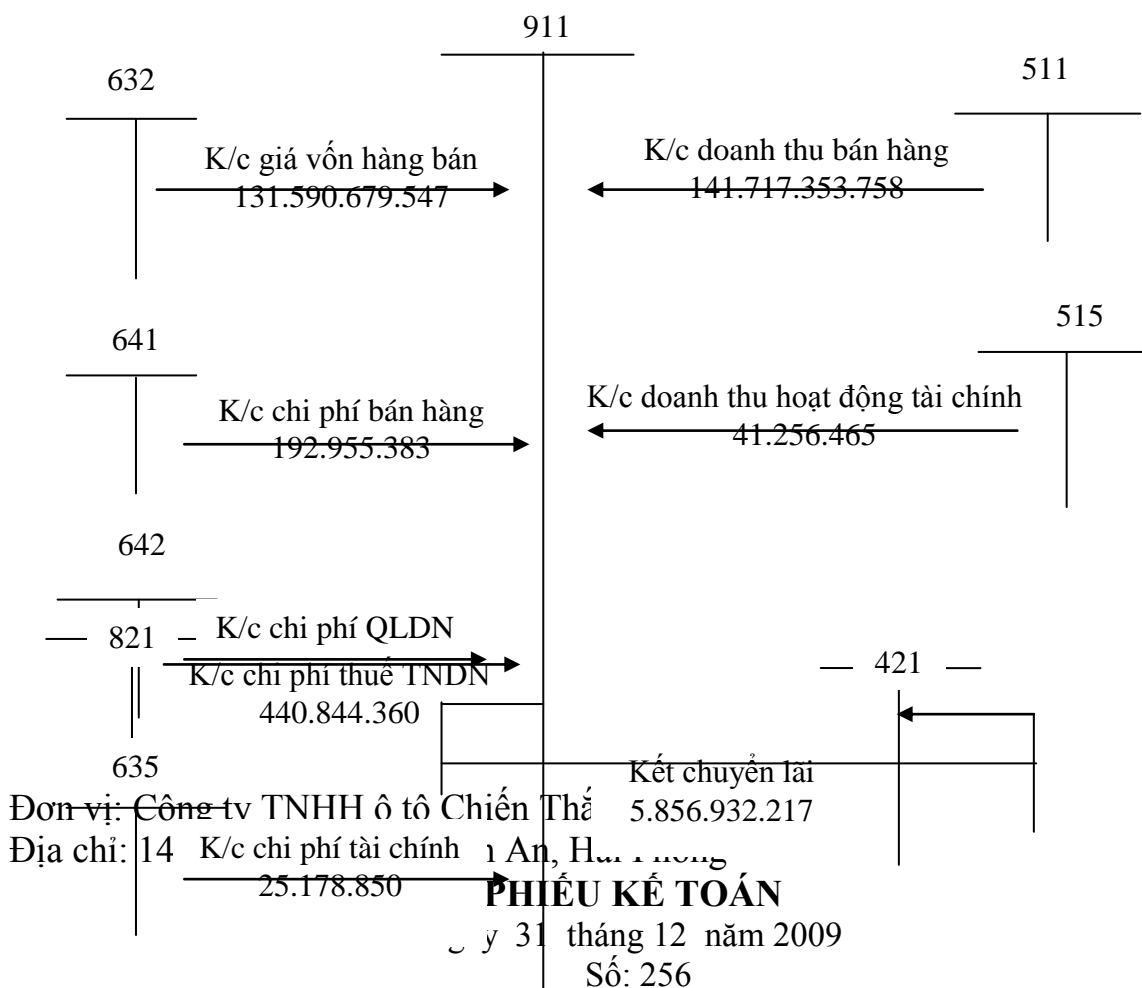
$$\text{Kết quả kinh doanh} = 141.717.353.758 + 41.256.465 - 131.590.679.547 - 192.955.383 - 3.652.019.866 - 25.178.850 = 6.297.776.577 > 0$$

Kết quả kinh doanh > 0 : Lãi

Thuế TNDN phải nộp = 6.297.776.577 * 20% * 50% * 70% = 440.844.360

Kết quả kinh doanh lãi: 5.859.932.217

Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421



STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Kết chuyển doanh thu quý 4			
1	Doanh thu bán hàng ccdv	511	911	141.717.353.758
2	Doanh thu hđ tài chính	515	911	41.256.465
	Tổng			141.758.610.223

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 256

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 257

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí quý 4			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	131.590.679.547
2	Chi phí bán hàng	911	641	192.955.383
3	Chi phí quản lý DN	911	642	3.652.019.866
4	Chi phí tài chính	911	635	25.178.850

	Tổng			135.460.833.646
--	------	--	--	-----------------

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Số: 258

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Xác định thuế TNDN	821	3334	440.844.360
	Tổng			440.844.360

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Số: 259

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	440.844.360
	Tổng			440.844.360

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn, Kiến An, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
 Số: 260

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	5.856.932.217
	Tổng			5.856.932.217

Biểu 2.32: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 465

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		

Kế chuyển doanh thu xđ kqkd				
Doanh thu bán hàng ccdv	511	911	141.717.353.758	
Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	41.256.465	
Cộng			141.758.610.223	

Kèm theo chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 466

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển chi phí xđ kqkd				
Giá vốn hàng bán	911	632	131.590.679.547	
Chi phí bán hàng	911	641	192.955.383	
Chi phí QLDN	911	642	3.652.019.866	
Chi phí tài chính	911	635	25.178.850	
Cộng			135.460.833.646	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.34: Chứng từ ghi sổ số 465, 466

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 467

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định thuế TNDN phải nộp				
Thuế TNDN	821	3334	440.844.360	

			Cộng	440.844.360

Kèm theo chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 468

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	821	440.844.360	
Cộng			440.844.360	

Kèm theo chứng từ gốc

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Chứng từ ghi sổ

Số : 469

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển lãi	911	421	5.856.932.217	
Cộng			5.856.932.217	

Kèm theo chứng từ gốc

Biểu 2.35: Chứng từ ghi sổ số 467, 468, 469

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh – 911

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có

			đối ứng		
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31.12	465	Kết chuyển doanh thu	511		141.717.353.758
		Kết chuyển doanh thu	515		41.256.465
31.12	466	Kết chuyển chi phí	632	131.590.679.547	
		Kết chuyển chi phí	641	192.955.383	
		Kết chuyển chi phí	642	3.652.019.866	
		Kết chuyển chi phí	635	25.178.850	
31.12	468	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	629.777.658	
31.12	469	Kết chuyển lãi	421	5.667.998.919	
		Cộng phát sinh		141.758.610.223	141.758.610.223
		Cộng lũy kế		591.372.446.324	591.372.446.324
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Biểu 2.36: Sổ cái tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI

Tài khoản : Lợi nhuận chưa phân phối – 421

Năm 2009

CTGS	Diễn giải	Tài	Số tiền
------	-----------	-----	---------

Ngày	SH		khoản đối ứng	Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>54.001.883.029</u>
		Quý IV			
	
31.12	469	Kết chuyển lãi	911		5.667.998.919
		Cộng phát sinh			5.667.998.919
		Cộng lũy kế			8.827.407.990
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>62.829.291.019</u>

Biểu 2.37: Sổ cái tài khoản 421

Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ : 142 Trần Tất Văn - Kiến An -Hải Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – 821

Năm 2009

CTGS		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
Ngày	SH			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31.12	467	Xác định thuế GTGT phải nộp	3334	440.844.360	
31.12	468	Kết chuyển thuế GTGT	911		440.844.360
		Cộng phát sinh		440.844.360	440.844.360
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Biểu 2.38: Sổ cái tài khoản 821

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

3.1. NHỮNG NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH Ô TÔ CHIẾN THẮNG

3.1.1. Đánh giá về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty

Trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty TNHH ô tô Chiến thắng đã tự tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên cả nước. Để có được kết quả như hiện nay, công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán tổ chức hoàn chỉnh chặt chẽ tạo thành một thể thống nhất góp phần đắc lực vào công tác quản lý, giám sát tài chính của công ty. Với đội ngũ nhân viên có trình độ kế toán cao, nhiệt tình trong công việc được bố trí phù hợp với khả năng của mỗi người do đó việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý được kịp thời. Hệ thống sổ sách mà công ty sử dụng được thiết lập trên mẫu quy định không phức tạp nhưng phản ánh đầy đủ nội dung kinh tế của các nghiệp vụ kế toán phát sinh, cung cấp thông tin chính xác kịp thời. Trên mỗi sổ trình tự nội dung ghi sổ được kế toán thực hiện theo đúng quy định. Hệ thống sổ sách trong công ty được ghi chép sử dụng nhằm cung cấp báo cáo tài chính cho cơ quan thuế, cơ quan chủ quản và báo cáo chi tiết lãnh đạo công ty.

Trong công tác kế toán việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành một cách kịp thời và triệt để, đúng với yêu cầu nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh doanh. Vì vậy nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhà quản lý. Để bắt kịp với xu thế nền kinh tế thị trường đòi hỏi kế toán phải thu thập và xử lý nhanh chóng kịp thời, chính xác.

3.1.2. Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán: kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin

tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn

- Về chứng từ kế toán: các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lí của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lí.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng: công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính, và các chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước.

- Về tổ chức bộ sỏ kế toán: Do đặc điểm sản xuất kinh doanh, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty tương đối lớn nhưng lặp lại nhiều lần nên công ty đang áp dụng hình thức chứng từ ghi sỏ. Hình thức chứng từ ghi sỏ đáp ứng được nhu cầu phản ánh nghiệp vụ chính xác, ghi chép khoa học, thuận tiện cho công ty

- Việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

- Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu: để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định, đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sỏ kế toán của công ty cũng khoa học, hợp lí giúp cho việc hạch toán, quá trình bán hàng được sắp xếp phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ từ tài liệu kế toán.

- Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. Việc hạch toán doanh thu, giá về cơ bản là theo đúng nguyên tắc chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Việc hạch toán kê khai thuế được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty thực hiện đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào NSNN. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ các mẫu kê khai tính thuế GTGT do nhà nước quy định.

3.1.3. Nhược điểm

Bên cạnh ưu điểm trên, công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện:

- Về vấn đề hệ thống sổ sách kế toán:

+ Hệ thống sổ chi tiết: công ty TNHH ô tô Chiến Thắng là công ty chuyên sản xuất đóng mới xe tải các trọng tải từ 0.98 – 7 tấn với nhiều chủng loại khác nhau, nhưng hiện nay công ty chưa mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng gây khó khăn trong việc theo dõi tình hình, biến động của chi phí sản xuất, cung cấp thông tin cho nhà quản lý. Ví dụ như sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, 622, 627, 641, 642, sổ chi tiết giá vốn hàng bán...

+ Hệ thống bảng tổng hợp: Mặt khác công ty cũng không có các bảng tổng hợp chi tiết nên rất khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác khi có yêu cầu của nhà quản lý như các bảng sau:

- Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (thành phẩm, hàng hóa)

+ Hệ thống sổ tổng hợp thì công ty không có sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nên các chứng từ ghi sổ không được quản lý và cũng không thể đối chiếu với Bảng Cân đối sổ phát sinh nên có thể dẫn đến nhầm lẫn, thiếu sót.

- Về việc luân chuyển chứng từ: chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng. Việc lập chứng từ ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Về phương thức tiêu thụ thành phẩm: trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng, nhưng công ty chưa áp dụng đa dạng các phương pháp tiêu thụ.

- Về chính sách trong ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm, chiến lược kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lôi cuốn khách hàng muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được nhiều ưu đãi. Vì vậy việc không áp dụng những ưu đãi chiết khấu thanh toán

cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ phần nào làm giảm số lượng khách hàng trong tiêu thụ thành phẩm của công ty dẫn đến làm giảm doanh thu.

-Hiện nay công việc kế toán vừa tiến hành bằng máy, vừa viết tay nên gây mất thời gian mà dễ nhầm lẫn, sai sót. Vì vậy công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên kế toán, vừa mang lại hiệu quả công việc cao. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: *Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting....*

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ NHẪM XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác đầy đủ kịp thời về tình hình tiêu thụ lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập chọn lọc thông tin. Trong đó nguồn thông tin từ phòng kế toán là nguồn thông tin quan trọng cho doanh nghiệp sử dụng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và điều kiện tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lí nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc:

- Nguyên tắc thống nhất:
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán
- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán.
 - Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.
 - Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lí luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Vì vậy, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

3.2.3.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ tổng hợp tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Qua quá trình thực tập em thấy công ty nên mở thêm một sổ sổ sách mà theo em sẽ giúp bộ phận kế toán dễ theo dõi một cách chi tiết cũng như tổng hợp những tài khoản có liên quan khi cần thiết.

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ có tác dụng theo dõi, đối chiếu các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian, quản lý chặt chẽ chứng từ ghi sổ, giúp đối chiếu với Bảng Cân đối sổ phát sinh..

Sau đây em xin trích mẫu sổ “Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ” với ví dụ và trình tự vào mẫu sổ này.

Mẫu biểu 3.1: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
Cộng		

Ví dụ: Khi phát sinh các nghiệp vụ, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc lập chứng từ ghi sổ vào cuối tháng, từ chứng từ ghi sổ đã lập kế toán vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ theo trình tự thời gian.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn-Kiến An-HP

Mẫu số S02b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÍ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	

.....
409	30/11/2009	943,799,446
410	30/11/2009	61.896.000
.....
414	30/11/2009	25,189,600,350
.....
418	30/11/2009	35.810.000.007
419	30/11/2009	1.790.500.000
.....
452	31/12/2009	1.982.630.255
.....
Cộng		7.242.436.282.173

3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (mẫu biểu 3.2) giúp cho bộ phận kế toán của công ty theo dõi chi tiết các tài khoản 621, 622, 627, 641, 641, 632 để thuận lợi cho quá trình tính toán và cập nhật thông tin.

Biểu 3.2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S36- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dùng cho các tài khoản 621, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 242, 335, 632

Tài khoản:
Tên sản phẩm, dịch vụ:
Tên phân xưởng:

Ngày tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Cộng phát sinh							

Ví dụ: Ghi sổ chi tiết giá vốn hàng bán quý 4/2009. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán sẽ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo trình tự thời gian.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
 Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S36- DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: **Giá vốn hàng bán - 632**

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Tên phân xưởng:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
...				
30.11	426	30.11	Giá vốn hàng bán tháng 11	155	27.075.865.667					
...				
31.12	475	31.12	K/c giá vốn hàng bán	911		131.950.679.54 7				
			Cộng phát sinh		131.950.679.54 7	131.950.679.54 7				
			Cộng lũy kế		546.362.718.29 4	546.362.718.29 4				

Ví dụ: Ghi sổ chi phí sản xuất kinh doanh tài khoản 642 tháng 11/2009. Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán sẽ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh. Sổ này được ghi hàng ngày khi có nghiệp vụ phát sinh.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC)

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

-Tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp - 642

-Tên phân xưởng:

-Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Tổng số tiền		Ghi nợ tài khoản						
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Chia ra						
							6421	6422	6423	6424	6425	6426	...
...
04.11	0056124	04.11	Mua dụng cụ, đồ dùng	111	515.750			515.750					
30.11	BPB lương	30.11	Lương NV QLDN tháng 11	334	47.082.632	47.082.632							
...
31.12	PKT	31.12	Kết chuyển cp xđ kqkd	911		9.781.828.487							
			Cộng		9.781.828.487	9.781.828.487	180.080.948	...	121.560.780

			phát sinh										
--	--	--	--------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3.2.3.3. Hoàn thiện hệ thống bảng tổng hợp tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá) (mẫu biểu 3.3), giúp kế toán biết được tình hình về lượng và số tiền nhập - xuất- tồn của từng sản phẩm hay dụng cụ, vật liệu.

Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) (mẫu biểu 3.4) giúp theo dõi cụ thể, chính xác số công nợ của khách hàng với công ty (công nợ của công ty với các nhà cung cấp), cung cấp thông tin tổng hợp nhanh nhất, chính xác nhất cho nhà quản lý.

Mẫu biểu 3.3: Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Đơn vị
Địa chỉ

Mẫu số S11- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tài khoản
Tháng năm

STT	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ (sp,hh)	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền
A		B					1		2		3

Tháng 11/2009 tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng phát sinh các nghiệp vụ bán hàng. Từ các sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa kế toán sẽ tập hợp vào bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S11- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tài khoản: Thành phẩm – TK 155

Tháng 11 năm 2009

STT	Mã số	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ (sp,hh)	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền	SL	Tiền
A		B			1		2		3		4
1	CT3.45D1	Xe tải ben 3.45 tấn 1 cầu	cái	12	2.950.203.996	18	4.425.305.994	21	5.162.856.993	9	2.212.652.997
2	CT3.45D1 4x4	Xe tải ben 3.45 tấn 2 cầu	cái	26	6.545.500.000	15	3.780.350.000	29	7.303.650.000	12	3.022.200.000
3	CT4.5D1 4x4	Xe tải ben 4.5 tấn 2 cầu	cái	07	2.061.925.285	15	4.418.411.325	12	3.534.729.060	10	2.945.607.550
.....
		Cộng			62.178.289.663		28.133.969.788		35.420.666.667		54.891.592.784

Mẫu biểu 3.4: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

Đơn vị:
Địa chỉ:

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản
Số hiệu
Tháng năm

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Ví dụ: Trong tháng 11/2009 dựa vào số liệu đầu kỳ, số phát sinh, số dư cuối của từng khách hàng trong sổ chi tiết thanh toán của từng đối tượng để lập bảng tổng hợp thanh toán với người mua. Cụ thể: tháng 11/2009 Công ty TNHH ô tô Đắc Lắc còn nợ 1.250.566.663, phát sinh nợ trong tháng là 915.266.667, đã thanh toán được 1.500.000.000, vậy cuối tháng số dư nợ còn lại là: 665.833.330. Kế toán căn cứ từng mục trên sổ chi tiết để vào tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết làm lần lượt với các đối tượng khác.

Đơn vị: Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng
Địa chỉ: 142 Trần Tất Văn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu : 131

Tháng 11 năm 2009

STT	Tên khách hàng (đối tượng)	Số dư đầu kì		SPS trong kì		Số dư cuối kì	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH ô tô Đắc Lắc	1.250.566.663		915.266.667	1.500.000.000	665.833.330	
2	Cty vận tải Vinaship	520.000.000				520.000.000	
3	DNTN Hưng Hào	1.750.266.667		290.500.000	550.000.000	1.490.766.667	
4	Cty TM Minh Khai Đà Nẵng	2.850.757.333			1.200.000.000	1.650.757.333	
5	Cty TNHH Sao Vàng	915.667.667		325.000.000	500.000.000	740.667.667	
	
	Cộng	21.526.896.333		15.425.333.333	9.750.200.000	26.928.029.666	

3.2.3.4. Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Hiện nay công ty không có bất cứ chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán hay giảm giá hàng bán nào cho khách hàng mua với số lượng lớn và thanh toán nhanh sớm. Vì vậy, để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, lợi nhuận, công ty nên có chính sách khuyến khích người mua với số lượng lớn bằng cách áp dụng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thanh toán.

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng thường xuyên kí hợp đồng có giá trị lớn công ty có thể giảm giá trị hợp đồng theo tỉ lệ phần trăm nào đó trên tổng giá trị hợp đồng.

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỉ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp có cùng mặt hàng với công ty.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, công ty sử dụng tài khoản 521- chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: chỉ hạch toán vào tài khoản này khi người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được mức chiết khấu thì khoản này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn cuối cùng. Trường hợp khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại giá bán hàng trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kì, kế toán ghi:

Nợ TK 521- CKTM (số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112- Thanh toán ngay

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

- Cuối kì kết chuyển số tiền CKTM đã chấp nhận cho người mua sang TK 511 để xác định doanh thu thuần

Nợ TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521- Chiết khấu thương mại

* Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trên hợp đồng hoặc trong ban cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp kế toán: căn cứ vào phiếu thu tiền mặt hoặc giấy báo có của ngân hàng, kế toán phản ánh số tiền thu được đồng thời phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Nợ TK 635- Chiết khấu thanh toán

Có TK 111- Tiền mặt (số tiền thực thu sau khi trừ CKTM)

Có TK 112- Tiền gửi ngân hàng (số tiền thực thực thu sau khi trừ CKTM)

Có TK 131- Phải thu của khách hàng (tổng số tiền phải thu của khách hàng)

Với các biện pháp khuyến mãi này, không những công ty có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng lượng khách hàng mới trong tương lai vì có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán, giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2.3.3. Một số ý kiến khác nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

❖ Hoàn thiện về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý chứng từ còn chậm gây ra nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành sản phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau gây vất vả cho nhân viên kế toán. Vì vậy, công ty cần có những chứng từ được thực

hiện một cách đầy đủ kịp thời. Có thể quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó vào sổ sách.

❖ Hoàn thiện về phương pháp tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm

Tại công ty các sản phẩm đều phải nhập kho trước khi bán nên việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm lỡ cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy, công ty nên bổ sung phương thức tiêu thụ xuất bán thẳng không qua kho

Bên cạnh phương thức này, công ty nên mở rộng thị trường trên toàn quốc tạo ra hệ thống tiêu thụ rộng lớn, tạo điều kiện giới thiệu và bán sản phẩm tới khách hàng một cách nhanh chóng và thuận lợi nhất.

❖ Hoàn thiện về chi phí mua hàng

Trong quá trình mua hàng luôn phát sinh những chi phí thu mua hàng hóa, đây là những khoản chi phí ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán, một trong những nhân tố quyết định đến lãi lỗ của công ty, do đó công ty phải quản lý chặt chẽ khoản chi phí này nhằm giảm tối thiểu chi phí mua tránh tình trạng lãng phí, lạm dụng chi phí thu mua chủ yếu là chi phí vận chuyển, công ty phải quản lý chặt chẽ khoản chi phí này bằng cách khi phát sinh tài khoản chi phí này cần phải tiến hành lập “Hợp đồng chi phí vận chuyển” theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

❖ Một số biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất công ty TNHH ô tô Chiến Thắng

Những năm qua mặc dù thị trường ô tô có nhiều biến động mạnh đã tác động không nhỏ đến thị trường ô tô trong nước nói chung và công ty nói riêng. Nhưng bằng nỗ lực kinh doanh của ban lãnh đạo công ty luôn đứng vững và không ngừng mở rộng quy mô hoạt động và quy mô vốn. Hiệu quả kinh doanh của công ty tăng dần các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh dựa vào

nguồn lực sẵn có và khắc phục được nhược điểm của công ty, trong những năm qua đã thực hiện biện pháp:

- Tích cực tìm hiểu mở rộng thị trường trong nước, duy trì và ổn định thị trường truyền thống
- Quản lý và sử dụng triệt để tài sản cố định, sử dụng tiết kiệm các chi phí QLDN, CPBH, giá vốn bán hàng để giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
- Giảm chi phí lãi vay- chi phí lãi vay là số tiền phải trả lãi cho việc sử dụng vốn, huy động vốn. Bất kì một DN nào tiến hành sản xuất kinh doanh đều cần đến vốn và phải huy động và phải huy động thêm vốn, DN phải tính toán huy động bằng cách nào sao cho chi phí lãi vay thấp nhất.
- Giảm chi phí quản lý DN: tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả sẽ góp phần giảm chi phí quản lý như chi phí tiếp khách, hội họp.

Trong cơ chế quản lý mới, hạch toán kế toán là một bộ phận cấu thành quan trọng, một công cụ quản lý tài chính, tích cực trong điều hành, kiểm soát hoạt động kinh tế. Đặc biệt trong cơ chế thị trường cạnh tranh trở nên quyết liệt, do vậy nắm bắt thông tin kinh tế nhanh chóng kịp thời, chính xác là chìa khóa mang đến thành công cho mỗi DN. Để có được điều này bộ máy kế toán phải tổ chức và hoạt động hiệu quả.

3.2.3. Ý nghĩa việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí. Hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu cho DN, xác

định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quy trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của DN, thông qua số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của DN, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn phát những thế mạnh vốn có.

KẾT LUẬN

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tiễn em nhận thấy rằng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là rất quan trọng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, phục vụ đắc lực cho việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trên đây là toàn bộ nội dung trong cuốn khóa luận tốt nghiệp đề tài “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng”. Trong cuốn khóa luận này em đã vận dụng những kiến thức đã học được trong nhà trường, em đã cố gắng trình bày những vấn đề cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó mạnh dạn đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH ô tô Chiến Thắng. Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên bài khóa luận này không thể tránh khỏi những sai sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thành tốt nhất.

Cuối cùng em xin cảm ơn cô giáo – Th.s Nguyễn Thị Mai Linh, các anh chị trong phòng kế toán đã chỉ bảo, hướng dẫn em tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2009

Sinh viên

Lê Thị Ngọc Thùy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính (NXB Thống Kê)
2. Chế độ kế toán Doanh nghiệp (NXB Tài chính Hà Nội)
3. Kế toán tài chính doanh nghiệp (NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân)
4. Lý thuyết và thực hành kế toán (NXB Tài Chính Hà Nội)
5. Trang www.ketoanducha.com